

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



ĐỀ ÁN
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ

MÃ SỐ: 7 38 01 03

NGHỆ AN - 2024

MỤC LỤC

Trang

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH VÀ TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH.....	1
1.1. Khái quát về Trường Đại học Vinh	1
1.1.1. Chính sách chất lượng	1
1.1.2. Lịch sử phát triển.....	2
1.1.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường	3
1.1.4. Hoạt động đào tạo của nhà trường	4
1.1.5. Hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế	5
1.1.6. Cơ sở vật chất.....	6
1.1.7. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Vinh	8
1.1.8. Định hướng phát triển chung của Trường Đại học Vinh	9
1.2. Khái quát về Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Vinh	11
PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	13
2.1. Nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	13
2.2. Sự phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường Đại học Vinh	14
2.3. Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, xu thế phát triển của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế.....	14
PHẦN 3. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ.....	16
3.1. Năng lực về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	16
3.2. Tiềm lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị và học liệu	25
3.3. Năng lực về chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu lĩnh vực ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	38
3.3.1. Chương trình đào tạo.....	38
3.3.2. Nghiên cứu khoa học.....	39
3.3.3. Hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự.....	40
3.4. Khả năng đảm bảo tài chính đầu tư cho phát triển ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	41
PHẦN 4. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	42
4.1. Mục tiêu mở đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	42

4.2. Mục tiêu tuyển sinh và đào tạo đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự.....	42
4.2.1. Mục tiêu tuyển sinh.....	42
4.2.2. Mục tiêu đào tạo và hiệu quả đào tạo của ngành	43
4.3. Tổng quan về chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự ..	43
4.3.1. Thông tin chung	43
4.3.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	44
4.3.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	44
4.3.4. Cấu trúc chương trình đào tạo	46
PHẦN 5. GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN MỞ MÃ NGÀNH	52
5.1. Xây dựng chương trình đào tạo	52
5.2. Xây dựng Đề án mở ngành.....	53
5.3. Đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng	53
5.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.....	54
PHẦN 6. ĐÁNH GIÁ RỦI RO, GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ.....	56
6.1. Phân tích đánh giá rủi ro.....	56
6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và khắc phục rủi ro khi mở ngành.....	56
PHẦN 7. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO	58
7.1. Cam kết về chất lượng.....	58
7.2. Cam kết điều kiện đảm bảo chất lượng	58
PHỤ LỤC	59
Phụ lục 1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	60
Phụ lục 2. Thống kê nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên chương trình đào tạo Ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	70
Phụ lục 3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	108
Phụ lục 4. Mối quan hệ hợp tác của khoa với các đơn vị, cá nhân	113
Phụ lục 5. Báo cáo khảo sát nhu cầu xã hội về đào tạo trình độ đại học Ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	115

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ đầy đủ	Từ viết tắt
Cơ sở giáo dục	CSGD
Cơ sở vật chất	CSVCh
Chương trình đào tạo	CTĐT
Đảm bảo chất lượng	ĐBCL
Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
Học sinh sinh viên	HSSV
Kiểm định chất lượng	KĐCL
Kiểm định chất lượng giáo dục	KĐCLGD
Khoa học công nghệ	KHCN
Nghiên cứu khoa học	NCKH
Trung học phổ thông	THPT

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1: Giảng viên phụ trách ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	17
Bảng 3.2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	17
Bảng 3.3. Danh mục học liệu phục vụ cho đào tạo ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự.....	28
Bảng 4.1. Bảng mô tả thông tin chung của chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự.....	43
Bảng 4.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Dân sự và Tố t tụng dân sự.....	44
Bảng 4.3. Bảng mô tả mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và mục tiêu của chương trình đào tạo	46
Bảng 4.4. Chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự.....	47

PHẦN 1

KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH VÀ TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

1.1. Khái quát về Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng; có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo giáo viên, kỹ sư, cử nhân có trình độ đại học và sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của đất nước và một số nước trong khu vực; đào tạo học sinh THPT chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước; triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**

Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Liên hệ: Điện thoại: (038) 3855452 Fax: (038) 3855269

Website: www.vinhuni.edu.vn Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn

Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

1.1.1. Chính sách chất lượng

- Phát triển bền vững giáo dục và KHCN; phát huy tinh thần tận tụy, thói quen làm việc theo quy trình và ISO trong mọi lĩnh vực; cam kết đảm bảo dự đoán và kiểm toán một cách khách quan để chuẩn hóa các kết quả đạt được.

- Đảm bảo cung cấp CSVC, trang thiết bị đầy đủ cho giáo dục đại học, chuyên nghiệp và kịp thời cho việc thực hiện các mục tiêu chất lượng giáo dục và NCKH trong từng thời kỳ phát triển.

- Tăng cường hợp tác với các trường thuộc top 500 của châu Á về giáo dục và NCKH; học tập mô hình quản lý hiện đại; tiếp cận khoa học, kỹ thuật tiên tiến và các phương pháp thực hành tốt nhất trong thực tiễn; thực hiện chuyển giao KHCN; tất cả CTĐT và văn bằng của Trường đều được các tổ chức KĐCLGD có uy tín kiểm định và công nhận.

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là CSGD đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Tầm nhìn: Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.

Giá trị cốt lõi: **Trung thực** (Honesty); **Trách nhiệm** (Accountability); **Say mê** (Passion); **Sáng tạo** (Creativity); **Hợp tác** (Collaboration).

Triết lý giáo dục: Hợp tác - Sáng tạo.

Trường Đại học Vinh xác định ***Hợp tác (Collaboration)*** trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. *Hợp tác* là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. *Hợp tác* là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan.

Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác

Trường Đại học Vinh coi ***Sáng tạo (Creativity)*** là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. *Sáng tạo* là tạo ra những tri thức và giá trị mới. *Sáng tạo* là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến.

Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "*hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành*" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

1.1.2. Lịch sử phát triển

Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1959 theo Nghị định số 375/NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/02/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có Quyết định số 637/QĐ đổi tên Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Ngày 11/07/2011, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Là một trong những trường đại học đầu tiên của nền giáo dục cách mạng Việt Nam, Nhà trường vinh dự được đóng trên quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vùng địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Từ khi thành lập đến nay, Trường đã trải qua 5 giai đoạn phát triển:

- Từ Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Sư phạm Vinh (1959 - 1965).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh trong những năm sơ tán (1965 - 1973).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh vượt qua khó khăn, từng bước đa ngành (1973 - 2001).

- Sự phát triển của Trường Đại học Vinh đa ngành (2001 - 2019).
- Xây dựng Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh (2019 - nay).

Từ Trường Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Vinh hôm nay là thành quả của sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ viên chức, HSSV và học viên của Nhà trường. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới.

Trong hơn 64 năm qua, Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh có việc làm sau 1 năm đạt trên 90%, trong đó có nhiều ngành đạt 100%. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các CSGD, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Với những kết quả toàn diện trong 64 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường, các đơn vị và cá nhân trong Trường đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009, năm 2014), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào (năm 2019), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Trường đã có 05 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, 37 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú; có 11 đơn vị và 43 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba.

Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC, hằng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các CSGD đại học của Việt Nam. Trường Đại học Vinh đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM) của 100 trường đại học hàng đầu châu Á (trong đó có nhiều tiêu chí đạt 5 sao). Theo bảng xếp hạng SCImago (SCImago Institutions Rankings) Trường Đại học Vinh xếp ở vị trí thứ 16 trong 22 trường đại học của Việt Nam.

1.1.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường

Nhà trường luôn coi công tác cán bộ, chất lượng đội ngũ cán bộ là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của Nhà trường. Trường luôn thực hiện tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, sử dụng và đánh giá cán bộ; luôn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giảng viên. Cơ cấu tổ chức của Trường gồm 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường

Thực hành sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay, Nhà trường có đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.036 cán bộ, viên chức, trong đó có 50 giáo sư, phó giáo sư, 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ... Trường có 381 giảng viên hạng III; 135 giảng viên hạng II; 50 giảng viên hạng I. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 50%.

1.1.4. Hoạt động đào tạo của nhà trường

Trường có 3 trường thuộc (*trong đó có 20 khoa đào tạo*), 4 viện, 4 khoa đào tạo trực thuộc Trường, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành Sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa.

Trường đào tạo 57 ngành đại học (*trong đó có 3 ngành đại học chất lượng cao*), 38 chuyên ngành thạc sĩ, 17 chuyên ngành tiến sĩ. Ngoài ra, Trường Đại học Vinh còn có 2 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, Trường Thực hành Sư phạm). Quy mô đào tạo của Trường là gần 35.000 HSSV, học viên, trong đó HSSV, học viên chính quy là 22.000 người.

Trong 57 ngành đào tạo đại học, Trường có 14 ngành đào tạo giáo viên là các ngành truyền thống, cung cấp nguồn giáo viên chất lượng cao cho cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu. Từ năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO cho tất cả các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học. Để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông mới, Trường đang tập trung xây dựng các mô hình đào tạo giáo viên nói riêng, đào tạo các nguồn nhân lực nói chung theo tiếp cận năng lực, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển hệ thống hỗ trợ dạy học e-Learning, các hình thức dạy học trực tuyến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên cũng được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh với các chương trình bồi dưỡng phong phú, đa dạng. Đặc biệt, với sự hỗ trợ của Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý CSGD phổ thông (ETEP), Nhà trường đã và đang đóng góp có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên các cấp học cho các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động ĐBCL. Năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL CSGD. Từ năm 2018 đến nay đã có 12 CTĐT đại học chính quy được đánh giá ngoài theo Bộ tiêu chuẩn Quốc gia và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục (*Kỹ thuật xây dựng, Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh*

doanh, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Hóa học, Giáo dục Mầm non, Kế toán, Luật Kinh tế, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Tiếng Anh, Tài chính - Ngân hàng). Có 2 CTĐT đại học chính quy được đánh giá ngoài và được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA là Sư phạm Toán học và công nghệ thông tin.

1.1.5. Hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế

Hoạt động NCKH của Trường tập trung trên 3 lĩnh vực: Khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học công nghệ, ứng dụng - triển khai. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025; ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học công nghệ.

Trong những năm gần đây, cán bộ, giảng viên của Trường đã chủ trì và tham gia triển khai nhiều dự án khoa học công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trung bình hàng năm, Trường thực hiện 120 đề tài/dự án các cấp với tổng kinh phí gần 9,4 tỷ đồng, chiếm khoảng 4% tổng kinh phí hoạt động của Nhà trường; trong đó có 48,65% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp nhà nước, cấp bộ từ nguồn ngân sách Trung ương, 14,04% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương, 37,31% là đề tài cấp trường.

Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, NCKH, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Úc. Trong những năm qua, Trường đã ký kết các chương trình hợp tác song phương với nhiều trường đại học lớn trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tham gia học tập, NCKH. Nhà trường cũng đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh với các nhà khoa học đầu ngành như: Nhóm nghiên cứu Quang học - Quang phổ, nhóm nghiên cứu Xác suất và Thống kê, nhóm nghiên cứu Ngôn ngữ học... ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động đối với nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã có chính sách mạnh về việc khen thưởng cho các tác giả có công bố quốc tế hàng năm. Trong 5 năm gần đây, Trường luôn nằm trong top 15 trường đại học có công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam, cụ thể năm 2020, Trường có 157 bài; năm 2021, số lượng công bố khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science và Scopus trên 200 bài; năm 2022, là 181 bài, năm 2023 là 239 bài.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được quan tâm đẩy mạnh. Từ năm học 2018 - 2019, Nhà trường đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Số đề tài tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học sinh viên và đạt giải thưởng "Tài năng khoa học trẻ Việt Nam", giải thưởng "Sinh viên Nghiên cứu khoa học" cấp

Bộ ngày càng tăng. Trong 5 năm qua, đã có hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện.

Tạp chí Khoa học của Trường mỗi năm ra 4 kỳ có chất lượng tốt, hiện đang được nâng cấp theo các tiêu chuẩn của Hệ thống cơ sở dữ liệu ASEAN (ACI) (*phấn đấu chuyên san Khoa học Tự nhiên đạt chuẩn ACI vào năm 2021*).

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường cũng được chú trọng. Trường đã ký kết các chương trình hợp tác song phương với nhiều trường đại học lớn trên thế giới như: Đại học Zielona Gora (Ba Lan), Đại học Hull (Anh), Đại học Postdam (Đức), Đại học South Florida, Đại học San Jose (Hoa Kỳ), Đại học Victoria (Australia), Đại học Rajabhat Maha Sarakham, Trường Đại học Nakhon Phanom (Thái Lan), Đại học Pukyong (Hàn Quốc),... tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tham gia học tập, nghiên cứu khoa học.

1.1.6. Cơ sở vật chất

Trường Đại học Vinh có Cơ sở chính tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

Quy hoạch đất để xây dựng Trường đã được phê duyệt là 130 ha, trong đó diện tích đã được xây dựng và đưa vào sử dụng là 44,12 ha.

Hiện nay, Trường có 5 cơ sở:

+ *Cơ sở 1* tại số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 14 ha. Đây là nơi tập trung hệ thống quản lý nhà trường, văn phòng làm việc của các đơn vị trong trường, hệ thống phòng học, các phòng thí nghiệm - thực hành, thư viện, ký túc xá, trạm y tế, sân vận động, nhà tập đa năng...

+ *Cơ sở 2*: Hiện tại là nơi đào tạo của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Khoa Giáo dục Thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh, Làng sinh viên tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với diện tích đã đưa vào sử dụng là 19,2 ha.

+ *Cơ sở 3*: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn - lợ tại xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 9,3 ha.

+ *Cơ sở 4*: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt tại thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích 1,4 ha.

+ *Cơ sở 5*: Khu Ký túc xá sinh viên tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích 0,6 ha.

Trường Đại học Vinh được đánh giá là cơ sở giáo dục đại học có cơ sở vật chất vào tốp đầu của cả nước. Trường có: 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện; 78 phòng làm việc của các đơn vị chức năng; 14 phòng làm việc của GS, PGS, giảng viên cơ hữu; 2 thư viện, trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập.

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào là thư viện lớn nhất khu vực Bắc miền Trung, là một tòa nhà 7 tầng với diện tích sàn gần 9.000 m² gồm không gian học tập tầng 1, 6 phòng học, 1 phòng xử án mô phỏng, 3 phòng máy tính, 8 kho sách và phòng đọc với gần 1.500 chỗ ngồi. Thư viện hiện nay có hệ thống mượn - trả sách tự động; hệ thống trả sách 24/7; hệ thống máy tính; phần mềm quản lý thư viện Kipos; máy scan - số hóa. Không gian học tập với đầy đủ các phương tiện hiện đại, máy tính kết nối mạng cho sinh viên tự học, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO. Tài liệu gồm có 16.118 tên với 175.095 cuốn; 16.191 luận văn thạc sĩ và 4.652 luận án tiến sĩ. Thư viện số tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn/> cung cấp 21.021 tài liệu; trong đó tạp chí khoa học nước ngoài có thể truy cập cơ sở dữ liệu điện tử Proquest Center và các cơ sở dữ liệu điện tử khác có liên kết.

Trường có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, bao gồm: Hệ thống hạ tầng mạng gồm trục kết nối 15 tòa nhà bằng 5 đường truyền với độ dài gần 10km đảm bảo tốc độ kết nối 1Gbps cho hơn 1.000 máy tính của Nhà trường. Hệ thống mạng wifi với hơn 250 điểm truy cập được lắp đặt trong khuôn viên Nhà trường, các phòng học, phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập, ký túc xá... hiện đang phục vụ miễn phí cho cán bộ và sinh viên. Hệ thống camera được lắp đặt tại các vị trí, góp phần đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong Nhà trường.

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm với 50 phòng thí nghiệm được quy hoạch phù hợp với các ngành đào tạo theo tiếp cận CDIO, trang thiết bị hiện đại, được bổ sung thường xuyên. Ngoài ra, Trường còn có xưởng thực tập, thực hành hiện đại; phòng thực hành nhạc họa; vườn ươm, ao nuôi thực nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Đặc biệt, Trường Đại học Vinh đã xây dựng được hệ thống các "*phòng thí nghiệm phổ thông*" khá hoàn chỉnh để phục vụ đào tạo sinh viên khối ngành đào tạo giáo viên.

Ký túc xá sinh viên có 775 phòng ở, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho hơn 4.200 học sinh, sinh viên, học viên; trong đó: Ký túc xá Cơ sở I có 315 phòng ở; Khu nhà ở Hưng Bình có 136 phòng ở; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh có 84 phòng ở và Làng Sinh viên Cơ sở II có 240 phòng ở. Cơ sở vật chất tại

Ký túc xá được đầu tư khang trang, sạch đẹp, các phòng đều có máy nước nóng lạnh, điều hòa nhiệt độ... an ninh trật tự được đảm bảo.

Trạm Y tế của Trường được bố trí khuôn viên riêng, có 8 phòng làm việc với đội ngũ 11 y, bác sỹ, với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và thuốc, vật tư y tế đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám, chữa bệnh cho cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên trong Trường.

Nhà ăn cho cán bộ, sinh viên được xây dựng, tổ chức ở cả Cơ sở I và Cơ sở II của Nhà trường, phục vụ chủ yếu cho hơn 1.000 sinh viên ở tập trung trong các Ký túc xá sinh viên. Nhà ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng suất ăn, khẩu phần ăn của sinh viên theo quy định; niêm yết thực đơn bữa ăn của từng ngày, giá cả đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, văn phòng phẩm phục vụ sinh viên tại các quầy bán hàng.

Ngoài cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu, sinh hoạt, Nhà trường còn có hệ thống sân chơi, bãi tập phục vụ đào tạo ngành Giáo dục Thể chất và môn Thể dục thể thao cho sinh viên toàn Trường. Đây cũng là nơi tổ chức các giải thể thao của cán bộ, sinh viên; nơi để cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh rèn luyện thể chất, rèn luyện sức khỏe.

1.1.7. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh hiện nay được tổ chức theo mô hình quản lý 3 cấp đó là cấp Trường Đại học Vinh (cấp 1), cấp Trường/Khoa/Viện thuộc và trực thuộc (cấp 2), cấp Khoa chuyên ngành/Bộ môn (cấp 3). Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh hiện nay gồm 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành Sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Sơ đồ tổ chức cụ thể như sau:



- Đảng ủy lãnh đạo Nhà trường và các tổ chức đoàn thể, xã hội.

Đảng bộ Trường Đại học Vinh là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nghệ An. Hiện nay, Đảng bộ có 8 đảng bộ bộ phận (*trong đó có 26 chi bộ cán bộ, 10 chi bộ học viên, sinh viên*), 19 chi bộ trực thuộc Đảng ủy Trường. Toàn Trường có 1.012 đảng viên, gồm 703 cán bộ và 309 sinh viên.

Nhà trường có các đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh. Công đoàn Trường Đại học Vinh trực thuộc Công đoàn Giáo dục Việt Nam với 29 Công đoàn bộ phận; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Vinh trực thuộc Tỉnh đoàn Nghệ An với 11 Đoàn trường thuộc/trực thuộc, Đoàn viện, Liên chi đoàn và 2 chi đoàn trực thuộc; Hội Sinh viên Việt Nam Trường Đại học Vinh trực thuộc Hội Sinh viên Việt Nam tỉnh Nghệ An với 3 Hội Sinh viên trường thuộc, 7 Liên chi Hội Sinh viên khoa/viện; Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Vinh trực thuộc Hội Cựu chiến binh tỉnh Nghệ An với 3 chi hội trực thuộc.

- Hội đồng trường gồm 19 thành viên.

- Ban Giám hiệu: gồm Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng.

- 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa gồm: Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Viện NC&ĐTTT, Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Giáo dục Quốc phòng, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Khoa Xây dựng.

- 2 trường trực thuộc: Trường THPT Chuyên, Trường Thực hành Sư phạm.

- 22 phòng ban, trung tâm, trạm: Văn phòng Đảng - Hội đồng trường - Đoàn thể, Phòng CTCT-HSSV, Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng KH&HTQT, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Ban Quản lý Cơ sở II, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm DV, HTSV&QHĐN, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm KĐCLGD, Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Nội trú, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Nhà Xuất bản, Trạm Y tế.

- 2 Văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng đại diện tại tỉnh Thanh Hóa.

1.1.8. Định hướng phát triển chung của Trường Đại học Vinh

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Vinh lần thứ XXXII nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định tầm nhìn chiến lược và định hướng phát triển chung của Nhà trường là: *"Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột*

của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á". Xây dựng Trường Đại học Vinh thành một cơ sở giáo dục đại học năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tự do học thuật trên tinh thần dân chủ, tự chủ, bình đẳng với mục tiêu cụ thể năm 2021 thành lập Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Trực tuyến thuộc Trường Đại học Vinh; đến năm 2025 Nhà trường đủ điều kiện cơ bản để xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á.

Nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; các nhiệm vụ của Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP)... để phát triển Trường thành Đại học, góp phần giải quyết những vấn đề lớn trong đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội, đáp ứng nhu cầu thế giới việc làm cho tất cả các khối ngành, đặc biệt là khối ngành đào tạo giáo viên; phát triển khối ngành đào tạo giáo viên của Nhà trường theo định hướng nghiên cứu.

Hiện nay, Trường Đại học Vinh đã và đang triển khai đề án tái cấu trúc Nhà trường, sắp xếp lại các khoa và ngành nghề đào tạo trên cơ sở phân tích các tiềm năng, thế mạnh và thách thức; tiếp tục xây dựng Nhà trường thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, thành trung tâm NCKH, đổi mới sáng tạo, trung tâm ĐBCL và KĐCLGD của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Trên cơ sở sắp xếp công tác tổ chức, nhân lực, Nhà trường đang triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo, đào tạo lại giáo viên và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục cho khu vực và cả nước. Nhà trường đã và đang tiến hành rà soát, quy hoạch lại các ngành và chuyên ngành đào tạo của Trường, làm cơ sở để phân tầng, xếp hạng và nâng cao hiệu quả đầu tư. Một số ngành và CTĐT chất lượng cao bắt đầu được triển khai.

Trường tập trung nâng cao chất lượng tất cả các mặt hoạt động, đẩy mạnh các hoạt động đào tạo và NCKH đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhà trường phối hợp với các cơ sở đào tạo của địa phương để bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các tỉnh và một số địa bàn trọng điểm trong cả nước. Nhà trường phối hợp tốt với tỉnh Nghệ An và các địa phương triển khai các CTĐT gắn với thực tiễn phát triển của các địa phương; triển khai hoạt động NCKH theo nhu cầu, đơn đặt

hàng của tỉnh và của doanh nghiệp. Nhà trường quan tâm gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và NCKH, trong đó NCKH góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo phải gắn liền với nhiệm vụ NCKH. Nhà trường đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách nhà nước, tranh thủ sự ủng hộ của tỉnh Nghệ An và các doanh nghiệp để đầu tư xây dựng Nhà trường đáp ứng yêu cầu của một trường đại học trọng điểm quốc gia. Những thách thức chính của Trường Đại học Vinh là:

- Kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ ở nhiều nước trên thế giới, tạo ra khoảng cách kinh tế và tri thức giữa Việt Nam với các nước ngày càng lớn.
- Sự cạnh tranh gay gắt của các CSGD đại học trên cả nước trong tuyển sinh, nhân lực, chất lượng đào tạo và dịch vụ.
- Yêu cầu đổi mới giáo dục đại học hướng đến phát triển năng lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp cho người học.
- Chất lượng đào tạo và CTĐT chưa thật sự đáp ứng nhu cầu xã hội, đặc biệt là tự chủ đại học.
- Việc đáp ứng yêu cầu chất lượng, cơ cấu và số lượng nguồn nhân lực cho giáo dục đại học còn những bất cập.
- Yêu cầu chuyển đổi số phục vụ đào tạo, NCKH và quản lý một cách đồng bộ, thống nhất.

1.2. Khái quát về Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Vinh

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn được thành lập ngày 01/9/2021 theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT, ngày 21/7/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh trên cơ sở sáp nhập khoa Luật và Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn. Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn là đơn vị thuộc Trường Đại học Vinh, có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn có trụ sở tại Tầng 3 Nhà A0, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Nghệ An.

Mặc dù có lịch sử hình thành còn non trẻ, song tiền thân của Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn được hình thành dựa trên việc sáp nhập, tổ chức lại các đơn vị: Khoa Luật và Viện Khoa học xã hội và nhân văn, là những đơn vị có bề dày lịch sử hình thành khá lâu thuộc Trường Đại học Vinh.

Hiện nay, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn có cơ cấu tổ chức gồm có 04 khoa, bao gồm: Khoa Luật học, Khoa Luật Kinh tế, Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Khoa Chính trị và Báo chí và 03 Trung tâm: Trung tâm Tư vấn pháp luật, Trung tâm Lữ hành - Du lịch, Trung tâm Nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng. Quy mô đào tạo của Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn hiện có 08 ngành đào tạo đại học, bao gồm: Luật học, Luật Kinh tế, Công tác xã hội, Việt Nam học, Quản lý văn hoá, Chính

trị học, Báo chí, Quản lý nhà nước; 02 ngành đào tạo thạc sĩ, bao gồm: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Chính trị học; 01 ngành đào tạo tiến sĩ, bao gồm: Chính trị học. Hiện nay, trường đang xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo cao học ngành luật Kinh tế, dự kiến sẽ tuyển sinh từ năm 2025. Tính tại thời điểm năm 2024, số lượng sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đang học tại Trường có: 1141 sinh viên chính quy, 302 học viên các ngành đào tạo cao học, 08 nghiên cứu sinh.

Về đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên, hiện nay, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn có: 66 cán bộ (trong đó: 62 giảng viên; 04 chuyên viên). Trong đó có 03 Phó Giáo sư, 38 Tiến sĩ, 11 Thạc sĩ đang là nghiên cứu sinh và 14 thạc sĩ. Tỷ lệ tiến sĩ trong tổng số đội ngũ giảng viên là 38/62 giảng viên, đạt 61.3%. Đội ngũ giảng viên, chuyên viên của trường được đào tạo bài bản từ nhiều cơ sở đào tạo lớn trong cả nước, như: Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Học viện Báo chí và Tuyên truyền,... Nhiều giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo từ các trường đại học có uy tín tại nước ngoài, như Đại học Melbourne, Đại học Manchester, Đại học Tổng hợp quốc gia Tula, Đại học Hữu nghị các dân tộc Nga. Sự đa dạng ngành đào tạo và cơ sở đào tạo tạo nên nhiều màu sắc và định hướng nghiên cứu trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Về nghiên cứu khoa học, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn xem nhiệm vụ nghiên cứu khoa học không thể tách rời với nhiệm vụ đào tạo. Trong thời gian qua, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của nhà trường đã tham gia chủ trì nhiều nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp trường, với hàng chục giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, hàng trăm công bố khoa học tại các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước, trong đó có nhiều tạp chí nằm trong hệ thống WoS, có chỉ số ISI, SCOPUS.

Về cơ sở vật chất, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn được sử dụng chung toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh tại các cơ sở 1, cơ sở 2, cơ sở 5. Trong đó, đặc biệt trường có hệ thống phòng học hiện đại, thư viện hiện đại với hàng chục nghìn đầu tài liệu, phòng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của việc học tập, nghiên cứu của sinh viên, giảng viên. Ngoài ra, trường cũng được sử dụng hệ thống ký túc xá, nhà ăn, khu chăm sóc y tế, rèn luyện sức khỏe. Trường cũng có: Phòng xử án mô phỏng, văn phòng của các trung tâm,... đáp ứng nhu cầu học tập và thực hành của sinh viên, học viên.

PHẦN 2

SỰ CẦN THIẾT MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

Khu vực Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế (có diện tích 5.150.069 ha chiếm 15,5% diện tích cả nước và dân số hơn 10 triệu người chiếm 13% dân số cả nước) là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước. Vùng kinh tế Bắc Trung Bộ cũng đang đứng trước một cơ hội lớn - cơ hội phát triển và tăng trưởng kinh tế bền vững, với mô hình liên kết hình thành mạng lưới sản xuất công nghiệp và phân phối hàng hóa đồng bộ, hướng vào ngành có lợi thế cạnh tranh và đưa xuất khẩu, dịch vụ, du lịch trở thành mũi nhọn... Để phát huy hơn nữa lợi thế của khu vực, đặc biệt là kết nối giữa các doanh nghiệp trong cộng đồng kinh tế vùng, giữa doanh nghiệp với nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhằm gia tăng sức ảnh hưởng và hướng đến tính hiệu quả lan tỏa đầu tư của vùng. Tính đến hết năm 2023, khu vực Bắc Trung Bộ có hơn 70.000 doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp mới thành lập tăng trưởng hằng năm khoảng 20-30%. Bên cạnh đó, với nhịp sống kinh tế sôi động, các quan hệ kinh tế phát triển nhanh đưa đến nhu cầu về đội ngũ cán bộ chuyên viên pháp lý làm việc tại các doanh nghiệp, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực chuyên ngành có trình độ để thực hiện tốt chức năng của Nhà nước cũng như đội ngũ Luật sư tư vấn, công chứng viên và các nhân sự hỗ trợ pháp lý khác. Do đó, nhu cầu nhân sự ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Hiện nay, ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự vẫn được là một trong các chuyên ngành pháp lý nhận được sự quan tâm của nhiều người bởi các khối kiến thức chuyên ngành có vai trò quan trọng bởi sự ứng dụng cao trong các doanh nghiệp cũng như cơ quan tư pháp, văn phòng công chứng và công ty luật. Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự được thiết kế để trang bị cho người học năng lực chuyên sâu để thực hành, ứng dụng kiến thức pháp luật dân sự dân sự - kinh tế vào thực tiễn. Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự sẽ trở thành những nhân sự có chuyên môn sâu về lĩnh vực pháp luật dân sự tại các doanh nghiệp, các ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế, các công ty luật, văn phòng công chứng, cơ quan tư pháp và cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế với nền tảng vững chắc, năng lực làm việc độc lập, kỹ năng thực hành nghề với đạo đức nghề nghiệp vững vàng. Việc đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự ở Trường Đại học Vinh có cả ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn nhằm đáp

ứng nhu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, phục vụ trực tiếp cho giáo dục địa phương và các vùng lân cận.

2.2. Sự phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường Đại học Vinh

Nghị quyết số 11/NQ-HĐ ngày 18/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh đã xác định sứ mạng, tầm nhìn của Trường, cụ thể là:

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế".

Tầm nhìn: "Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045".

Để hoàn thành được sứ mạng và tầm nhìn nêu trên, Nhà trường đã và đang tập trung mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo; luôn tìm các giải pháp đổi mới và hiện đại hoá nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy cũng như hệ thống cơ sở vật chất.

Thực hiện đào tạo chương trình cử nhân ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự ở Trường Đại học Vinh là một bước tiến tiếp trên con đường đa dạng hoá phát triển đào tạo đa ngành, nhiều cấp học theo nhu cầu xã hội và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Mặt khác, hội nhập là một xu thế tất yếu đối với các ngành, các lĩnh vực hoạt động trong đó có các trường đại học. Trường Đại học Vinh đã và đang tham gia vào xu thế này. Chính vì thế việc mở ngành đào tạo đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự là một yếu tố sẽ giúp nhà trường thúc đẩy quá trình mở rộng hợp tác đào tạo với các trường đại học, với các cơ sở đào tạo, các tổ chức, doanh nghiệp trong khu vực và trên thế giới.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự là phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển của Trường Đại học Vinh.

2.3. Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, xu thế phát triển của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế

Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Xã hội ngày càng phát triển càng đặt ra nhu cầu đổi mới, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra rất mạnh mẽ và có ảnh hưởng trực tiếp đến hầu hết các lĩnh vực, các ngành nghề. Quan hệ kinh tế liên quan trong lĩnh vực thương mại, lao động, tài chính, sở hữu trí tuệ và đất đai môi trường cũng có sự phát triển tương ứng. Do đó, việc xây dựng nguồn lao động có chất lượng

cao phù hợp với bối cảnh phát triển của đất nước nói chung và vùng Bắc Trung Bộ nói riêng cần thiết hơn bao giờ hết.

Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 xác định khu vực Bắc Trung Bộ cùng với duyên hải Miền Trung là 1 trong 6 vùng kinh tế - xã hội trọng điểm của đất nước. Trong đó xây dựng khu vực ven biển Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành trung tâm công nghiệp của vùng và cả nước. Để đạt được mục tiêu này, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bao gồm nhân lực pháp lý chuyên ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự là một trong những yêu cầu bức thiết.

Riêng đối với tỉnh Nghệ An, nhờ chú trọng xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao mà Nghệ An đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu trong thời gian tới của Nghệ An là tiếp tục xây dựng nguồn nhân lực đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng cao, cơ cấu hợp lý để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước làm cho kinh tế - xã hội của Nghệ An phát triển bền vững, tiến kịp các tỉnh khác trong cả nước, trở thành trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ.

Ngày 18/7/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW về xây dựng, phát triển Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó ưu tiên triển khai đề án cơ cấu lại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn, lấy Đại học Vinh làm nòng cốt để xây dựng Trung tâm đào tạo tầm cỡ khu vực và cả nước. Tăng cường hợp tác về giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng các trường đạt chuẩn quốc tế.

Trường Đại học Vinh là một trong những trường đại học uy tín của cả nước, nơi cung cấp phần lớn nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Khu Vực Bắc Trung Bộ và đã có 15 năm đào tạo cử nhân Ngành Luật học và 10 năm đào tạo ngành Luật Kinh tế. Việc mở mã ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu của khu vực và cả nước. Điều này cũng nằm trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương đề ra.

PHẦN 3

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ

3.1. Năng lực về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường Đại học Vinh không ngừng lớn mạnh. Hiện nay, Nhà trường có đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.036 cán bộ, viên chức, trong đó có 50 giáo sư, phó giáo sư, 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ... Trường có 381 giảng viên hạng III; 135 giảng viên hạng II; 50 giảng viên hạng I. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 50%. Đội ngũ giảng viên của trường có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, còn có hàng trăm nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường Đại học Vinh.

Trong đó, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên của Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Vinh bao gồm:

- Số lượng: 66 cán bộ (trong đó: 62 giảng viên; 04 chuyên viên).
- Cơ cấu về trình độ chuyên môn của giảng viên: 03 PGS, 38 TS, 11 NCS và 13 ThS

Giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự trình độ đại học của Trường Khoa học xã hội nhân văn: có 01 Phó Giáo sư và 20 Tiến sĩ, 07 thạc sĩ đang là Nghiên cứu sinh, 07 Thạc sĩ.

Cơ cấu tổ chức của Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh gồm:

- Ban Giám hiệu Trường Khoa học xã hội nhân văn, Trường Đại học Vinh gồm 01 Hiệu trưởng; 01 Phó hiệu trưởng.
- Hội đồng Khoa học và đào tạo gồm có 07 thành viên.
- Cơ cấu Trường Khoa học xã hội nhân văn có 04 Khoa như sau:
 - + Khoa Luật học
 - + Khoa Luật Kinh tế.
 - + Khoa Chính trị - Báo chí.
 - + Khoa Du lịch và Công tác xã hội.

Về đội ngũ giảng viên phụ trách ngành, có 05 giảng viên phụ trách đều có trình độ tiến sĩ:

Bảng 3.1: Giảng viên phụ trách ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

STT	Họ và tên	Đơn vị	Học vị/ngành	Ghi chú
1	Hà Thị Thúy	Khoa Luật kinh tế	Tiến sĩ ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, Việt Nam, 2020	Giảng viên chủ nhiệm ngành
2	Phạm Thị Thúy Liễu	Khoa Luật kinh tế	Tiến sĩ ngành Luật Kinh tế, Việt Nam, 2016	Thực hiện Chương trình đào tạo
3	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Luật kinh tế	Tiến sĩ ngành Luật Kinh tế, Việt Nam, 2022	Thực hiện Chương trình đào tạo
4	Lê Hồng Hạnh	Khoa Luật kinh tế	Tiến sĩ ngành Luật Kinh tế, Việt Nam, 2020	Thực hiện Chương trình đào tạo
5	Nguyễn Thị Phương Thảo	Khoa Luật kinh tế	Tiến sĩ ngành Kinh tế, Việt Nam, 2022	Thực hiện Chương trình đào tạo

Tất cả giảng viên phụ trách ngành đều có trình độ Tiến sĩ ngành đào tạo phù hợp, trong đó giảng viên chủ nhiệm ngành được đào tạo đúng chuyên ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, 04 giảng viên thực hiện chương trình đào tạo đều có trình độ tiến sĩ ngành gần phù hợp.

Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo tạo các học phần của chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự đều bảo đảm đủ về số lượng, đạt về trình độ chuyên môn. Cụ thể như sau:

Bảng 3.2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1.	Phạm Thị Huyền Sang	PGS, Giảng viên cao cấp, 2023	TS, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	Học phần 16 Học phần 22 Học phần 38
2.	Phạm Thị Thuý Liễu	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2017	Luật Kinh tế	Học phần 06 Học phần 18

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệ	Học phần đảm nhiệm
					Học phần 35
3.	Trần Thị Vân Trà	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	Học phần 31 Học phần 34
4.	Đinh Ngọc Thắng	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2014	Luật	Học phần 02
5.	Đinh Văn Liêm	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2017	Luật Hiến pháp	Học phần 05
6.	Phan Nữ Hiền Oanh	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2022	Luật Kinh tế	Học phần 16 Học phần 30
7.	Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2022	Luật Kinh tế	Học phần 14 Học phần 33 Học phần 36
8.	Lê Hồng Hạnh	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	Học phần 20 Học phần 26
9.	Nguyễn Văn Dũng	Giảng viên	TS, Kazakhstan, 2014	Luật Kinh tế	Học phần 23 Học phần 37
10.	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2022	Luật Hình sự	Học phần 1 Học phần 11
11.	Hà Thị Thuý	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2018	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	Học phần 6 Học phần 14 Học phần 38
12.	Hồ Thị Hải	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	Học phần 18 Học phần 27 Học phần 33
13.	Nguyễn Thị Hà	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2020	Luật Hành chính	Học phần 4 Học phần 7 Học phần 37
14.	Bùi Thị Phương Quỳnh	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2018	Luật Hình sự	Học phần 15 Học phần 23
15.	Nguyễn Văn Đại	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2018	Lý luận luận nhà nước pháp	Học phần 2 Học phần 26

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
				luật	
16.	Ngô Thị Thu Hoài	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2020	Luật Hành chính, Luật Hiến pháp	Học phần 2 Học phần 26
17.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2020	Luật Hành chính và Luật Hiến pháp	Học phần 4 Học phần 7 Học phần 37
18.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	Học phần 30 Học phần 35
19.	Hồ Thị Nga	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2018	Luật Hành chính và Luật Hiến pháp	Học phần 05 Học phần 10
20.	Đặng Thị Phương Linh	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2022	Luật Hình sự	Học phần 15 Học phần 23
21.	Nguyễn Thị Thùy Dung	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2020	Luật Hành chính và Luật Hiến pháp	Học phần 4 Học phần 7 Học phần 37
22.	Bùi Hạnh Phúc	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2019	Lý luận, Lịch sử NN & PL	Học phần 01 Học phần 11
23.	Chu Thị Trinh	Giảng viên	ThS, LB Nga, 2014	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	Học phần 22 Học phần 27 Học phần 36
24.	Nguyễn Mai Ly	Giảng viên	ThS, Úc, 2019	Luật Kinh tế	Học phần 29 Học phần 37
25.	Nguyễn Thị Hồng Nhật	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2018	Lý luận, Lịch sử NN & PL	Học phần 29 Học phần 37
26.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2017	Luật Kinh tế	Học phần 20 Học phần 26
27.	Bùi Thuận Yến	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2016	Luật Dân sự	Học phần 17 Học phần 24 Học phần 28
28.	Ngũ Thị Như Hoa	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2015	Luật Dân sự	Học phần 17 Học phần 24

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
					Học phần 28
29.	Cao Thị Ngọc Yến	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2014	Lý luận, Lịch sử NN & PL	Học phần 02 Học phần 26
30.	Hồ Trọng Hữu	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2016	Luật Hình sự	Học phần 15 Học phần 23
31.	Đoàn Minh Trang	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2018	Lý luận, Lịch sử NN & PL	Học phần 05 Học phần 26
32.	Nguyễn Thị Mai Anh	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2017	Luật Hành chính và Luật hiến pháp	Học phần 4 Học phần 7 Học phần 37
33.	Nguyễn Thị Mai Trang	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2015	Luật Hình sự	Học phần 15 Học phần 37
34.	Nguyễn Thị Ngọc Thành	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	Học phần 31 Học phần 34
35.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2021	Lý luận, Lịch sử NN & PL	Học phần 10
36.	Tăng Thị Thanh Sang	Giảng viên chính	TS, Trung Quốc, 2012	Lịch sử thế giới	Học phần 10
37.	Trần Thị Kim Oanh		TS, Việt Nam, 2010	Tin học	Học phần 03
38.	Nguyễn Bùi Hậu		ThS, Việt Nam, 2014	Tin học	Học phần 03
39.	Phan Lê Na		ThS, Việt Nam, 2013	Tin học	Học phần 03
40.	Trần Xuân Hào		TS, Việt Nam, 2006	Tin học	Học phần 03
41.	Lê Quốc Anh		TS, Việt Nam, 2020	Tin học	Học phần 03
42.	Phan Huy Chính		ThS, Việt Nam, 2018	Chính trị học	Học phần 09
43.	Nguyễn Văn Sang		TS, Việt	Chính trị học	Học phần 09

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
			Nam, 2018		
44.	Nguyễn Thái Sơn	PGS, Việt Nam, 2017	TS, Việt Nam, 2009	Chính trị học	Học phần 09
45.	Lê Thị Nam An		TS, Việt Nam, 2015	Chính trị học	Học phần 09
46.	Trần Viết Quang	PGS, Việt Nam, 2012	TS, Việt Nam, 2007	Triết học	Học phần 09
47.	Phạm Thị Bình		TS, Việt Nam, 2009	Triết học	Học phần 09
48.	Trương Thị Phương Thảo	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2018	Triết học	Học phần 09
49.	Phan Văn Tuấn		TS, Việt Nam, 2019	Triết học	Học phần 09
50.	Phạm Thị Thúy Hồng	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2023	Chính trị học	Học phần 19
51.	Nguyễn Thị Lê Vinh	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2023	Chính trị học	Học phần 19
52.	Lê Thị Thanh Hiếu	Giảng viên	TS, Việt Nam, 2023	Triết học	Học phần 09
53.	Nguyễn Thị Mỹ Hương		TS, Việt Nam, 2020	Chính trị học	Học phần 12
54.	Nguyễn Thị Diệp		ThS, Việt Nam, 2007	Triết học	Học phần 12
55.	Nguyễn Thị Hải Yến		ThS, Việt Nam, 2010	Chính trị học	Học phần 12
56.	Hoàng Thị Nga		TS, Việt Nam, 2016	Chính trị học	Học phần 19
57.	Vũ Thị Phương Lê	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2016	Chính trị học	Học phần 19
58.	Lê Thị Tuyết Hạnh	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2019	Phương pháp GD Tiếng	Học phần 08 Học phần 12

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệ	Học phần đảm nhiệm
				Anh	
59.	Trần Thị Vân Anh		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
60.	Nguyễn Lê Hoài Thu		ThS, Việt Nam, 2016	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
61.	Nguyễn Thị Phương Thảo		ThS, Việt Nam, 2013	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
62.	Lưu Ngọc Bảo	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2012	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
63.	Lê Thái Bình		ThS, Việt Nam, 2013	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
64.	Hoàng Thị Chung		ThS, Việt Nam, 2014	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
65.	Nguyễn Thị Lương Giang		ThS, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
66.	Nguyễn Thị Lành		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
67.	Nguyễn Thị Liên		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
68.	Trần Giang Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
69.	Phạm Xuân Sơn		ThS, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	Học phần 08 Học phần 12
70.	Dương Thị Linh		TS, Việt Nam, 2016	Tâm lý học	Học phần 21
71.	Trần Thị Mỹ Linh		ThS, Việt Nam, 2021	Tâm lý học	Học phần 21
72.	Dương Thị Thanh Thanh		TS, Việt Nam, 2010	Tâm lý học	Học phần 21
73.	Trần Hằng Ly		TS, Việt Nam, 2019	Tâm lý học	Học phần 21

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
74.	Nguyễn Văn Trung		TS, Việt Nam, 2009	Chính trị học	Học phần 25
75.	Trần Thị Hạnh		ThS, Việt Nam, 2014	Chính trị học	Học phần 25
76.	Dương Thị Mai Hoa		ThS, Việt Nam, 2015	Chính trị học	Học phần 25
77.	Trần Cao Nguyên		TS, Việt Nam, 2017	Chính trị học	Học phần 25
78.	Hoàng Thị Hải Yến		TS, Việt Nam, 2019	Lịch sử Việt Nam	Học phần 10
79.	Lê Thế Cường		TS, Việt Nam, 2014	Lịch sử Việt Nam	Học phần 10
80.	Nguyễn Văn Tuấn		TS, Việt Nam, 2019	Lịch sử Việt Nam	Học phần 10
81.	Tôn Nữ Hải Yến		TS, Việt Nam, 2015	Lịch sử Việt Nam	Học phần 10
82.	Đặng Như Thường		TS, Việt Nam, 2017	Lịch sử Việt Nam	Học phần 10
83.	Nguyễn Mạnh Hồng		TS, Việt Nam, 2016	Lịch sử Việt Nam	Học phần 10
84.	Dương Thị Thanh Hải		TS, Việt Nam, 2019	Văn học	Học phần 21
85.	Nguyễn Thị Thanh Hiếu		TS, Việt Nam, 2014	Văn học	Học phần 21
86.	Hồ Thị Vân Anh		TS, Việt Nam, 2020	Văn học	Học phần 21
87.	Hoàng Trọng Canh		TS, Việt Nam, 2018	Văn học	Học phần 21
88.	Trịnh Thị Mai		TS, Việt Nam, 2017	Văn học	Học phần 21
89.	Lê Thị Sao Chi		TS, Việt Nam, 2017	Văn học	Học phần 21

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
90.	Nguyễn Thị Khánh Chi		TS, Việt Nam, 2014	Văn học	Học phần 21
91.	Nguyễn Thị Thúy Vinh	Giảng viên chính (hạng II)	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam		Học phần 21
92.	Nguyễn Thị Bích Liên	Giảng viên (hạng III)	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam		Học phần 21
93.	Nguyễn Thị Minh Phượng	Giảng viên cao cấp (hạng I)	PGS, Tiến sĩ, 2013, Việt Nam		Học phần 21
94.	Trần Thị Hồng Lam	Giảng viên (hạng III)	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam		Học phần 21

Với đội ngũ Giảng viên, nghiên cứu viên như trên, trong đó có 36 giảng viên cơ hữu đảm nhận các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, và 58 giảng viên phụ trách các học phần chung thuộc khối Mac-Lenin và học phần chung thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.

Trong tổng số 36 giảng viên cơ hữu thì:

- Số giảng viên có chức danh nghề nghiệp từ giảng viên cao cấp trở lên là: 01/36 giảng viên, chiếm 3%;
- Số giảng viên có chức danh nghề nghiệp từ giảng viên chính trở lên là: 10/36 giảng viên, chiếm 28%.
- Số giảng viên có học hàm Phó Giáo sư là: 01/36 giảng viên, chiếm 3%;
- Số giảng viên có học vị tiến sĩ là: 22/36 giảng viên, chiếm 61%;
- Số giảng viên có học vị thạc sĩ là: 14/36 giảng viên, chiếm 29%. Trong đó, có 7 thạc sĩ đang học nghiên cứu sinh tại các cơ sở đào tạo luật khác nhau.
- Không có giảng viên trình độ dưới thạc sĩ.

Với đội ngũ giảng viên có cơ cấu như trên, đối chiếu với quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022, đội ngũ giảng viên Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn bảo đảm đủ điều kiện cả về số lượng và chất lượng để đăng ký

mở và đảm nhiệm mã ngành đào tạo cử nhân luật, chuyên ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự.

3.2. Tiềm lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị và học liệu

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh Về cơ sở vật chất, được sử dụng chung toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh tại các cơ sở 1, cơ sở 2, cơ sở 5. Trong đó, đặc biệt trường có hệ thống phòng học hiện đại, thư viện hiện đại với hàng chục nghìn đầu tài liệu, phòng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của việc học tập, nghiên cứu của sinh viên, giảng viên. Ngoài ra, trường cũng được sử dụng hệ thống ký túc xá, nhà ăn, khu chăm sóc y tế, rèn luyện sức khỏe. Trường cũng có: Phòng xử án mô phỏng, văn phòng của các trung tâm,... đáp ứng nhu cầu học tập và thực hành của sinh viên, học viên.

Cụ thể:

Về phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy của Nhà trường:

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,2 ha trong tổng thể quy hoạch gần 125 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Ủy ban tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015). Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa về môi trường học tập và giảng dạy.

Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864m², đạt xấp xỉ 15m²/1 cán bộ, GV, nhân viên; có hệ thống phòng làm việc của các khoa và bộ môn trực thuộc trường, phòng họp cho cán bộ giảng dạy, phòng làm việc cho các phòng ban đoàn thể, phòng làm việc cho GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Trong đó dành riêng cho Trường kinh tế 09 phòng làm việc; 03 phòng làm việc của Ban giám hiệu; 01 Văn phòng sử dụng chung cho toàn trường; 04 phòng họp chuyên môn của cán bộ giảng dạy: văn phòng Khoa Quản trị kinh doanh, văn phòng của Khoa kế toán, văn phòng của Khoa tài chính ngân hàng; văn phòng Khoa Kinh tế với tổng diện tích sử dụng lên đến 490 m², ngoài ra còn có 01 phòng làm việc cho GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư với diện tích 75 m²

Nhà trường có 282 phòng học, trong đó 180 phòng học dùng cho đào tạo chính quy, trong đó 100% số phòng học có đầy đủ trang thiết bị như: Máy chiếu đa năng, hệ thống âm thanh, ánh sáng, điều hòa nhiệt độ, đường truyền internet tốc độ cao, và các trang thiết bị khác... trong đó có 8 giảng đường lớn có sức chứa trên 150 người được

trang bị thêm thiết bị trình chiếu. Diện tích phòng học bình quân $5,9\text{m}^2/\text{người học}$ ($115.749\text{m}^2/19.629$ người học); có 84 phòng thực hành thí nghiệm, được chia thành 8 nhóm ngành cụ thể; diện tích bình quân phòng THPTN/người học là $4,48\text{m}^2/\text{người}$ ($34.382\text{m}^2/7.667$ người học) trong đó có 05 phòng thực hành dành riêng cho ngành kế toán với diện tích hơn 650m^2 được trang bị máy tính, đường truyền internet tốc độ cao cơ bản đáp ứng được nhu cầu thực hành của ngành.

Trường có cảnh quan và môi trường thông thoáng, xanh - sạch - đẹp, hệ thống điện đường và cây xanh được đầu tư, quy hoạch, khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, chăm sóc thường xuyên, đảm bảo cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm song hành hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

Về Ký túc xá sinh viên

Nhà trường có ký túc xá sinh viên hiện đại, sạch sẽ và an toàn, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 3981. Hiện tại trường Đại học Vinh đang sử dụng 10 tòa nhà ký túc xá đảm bảo gần 3000 chỗ ở, trong đó: 01 tòa nhà 9 tầng thuộc Khu nhà ở sinh viên tại phường Hưng Bình với 136 phòng ở, diện tích mỗi phòng từ 32m^2 đến 65m^2 , được trang bị 02 thang máy; 05 tòa nhà ký túc xá 5 tầng tại Cơ sở 1 với 281 phòng ở, diện tích mỗi phòng gần 25m^2 ; 02 tòa nhà ký túc xá 4 tầng tại Trung tâm GDQP&AN, Cơ sở 2 với 84 phòng ở, diện tích mỗi phòng gần 22m^2 ; 02 tòa nhà ký túc xá tại làng sinh viên cơ sở II với hơn 500 phòng ở, diện tích mỗi phòng gần 25m^2 ; ngoài ra còn có các phòng ký túc xá sinh viên Trại Nuôi trồng Hải sản mặn, lợ với 6 phòng ở tại mỗi cơ sở.

Tất cả các tòa nhà ký túc xá được xây dựng vĩnh cửu, đảm bảo an toàn về PCCC, điện, nước sạch, đường internet tốc độ cao được trang bị đầy đủ, ổn định, có công trình vệ sinh khép kín, tất cả các phòng đều được lắp đặt bình nước nóng, hầu hết các phòng ở được lắp đặt điều hòa nhiệt độ, các phòng ở được thiết kế phù hợp để luôn có chế độ chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo tốt, khuôn viên ký túc xá đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo cho sinh viên có nơi vui chơi, rèn luyện sức khỏe. Khu vực trung tâm nội trú có nhà ăn rộng rãi, thoáng mát, được tổ chức tốt, thường xuyên được kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; có căng tin và hệ thống dịch vụ. Các ký túc xá luôn được bảo vệ bởi lực lượng vệ sĩ, có cán bộ trực 24/24, ngoài ra trung tâm nội trú còn tổ chức đội tự quản tham gia bảo vệ an ninh trật tự. Ngoài việc các phòng sinh viên tự chịu trách nhiệm vệ sinh tại phòng ở, Nhà trường còn có lực lượng chuyên nghiệp thường xuyên lau chùi, quét dọn và thu gom rác thải đúng quy định...

Về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao - y tế:

Tổng toàn Trường hiện có 04 sân bóng rổ, 09 sân bóng chuyền, 06 sân bóng đá mini, 01 sân bóng đá lớn, 01 sân Tennis, đường chạy đạt tiêu chuẩn và nhiều sân chơi, bãi tập khác với tổng diện tích gần 36.000m²; 01 nhà thi đấu đa năng với hơn 1.000 chỗ ngồi... Do có quy hoạch từ trước nên diện tích phục vụ cho hoạt động này đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí, tập luyện và thi đấu của cán bộ viên chức và học sinh, sinh viên, học viên.

Nhà trường có Trạm Y tế (*với đội ngũ 2 bác sỹ, 1 dược sỹ đại học, 2 y sỹ và 4 y tá trung học*) đảm bảo tiêu chuẩn theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Trạm Y tế đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho viên chức, người lao động và người học: 100% viên chức, người lao động và người học được Nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế hàng năm. Trạm y tế có 8 phòng bố trí tại cơ sở 1 và cơ sở 2 với diện tích hơn 240 m² trang bị đầy đủ các trang thiết bị, công cụ dụng cụ để đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu, cấp thuốc thông thường; chuyển bệnh nhân lên cơ sở y tế tuyến trên trong những trường hợp cần thiết cho cán bộ, học sinh, sinh viên.

Về thư viện, học liệu:

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào của Trường Đại học Vinh sử dụng một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 9.000m² bao gồm: 06 phòng học, 01 phòng xử án mô phỏng, 03 phòng máy tính, 07 kho sách, 06 phòng đọc với 1500 chỗ ngồi. Đặc biệt toàn bộ tầng 1 của tòa nhà được cải tạo thành không gian học tập, được trang bị đầy đủ các bảng tra cứu, thiết bị máy tính kết nối Internet tốc độ cao giúp học sinh, sinh viên chủ động trong việc tra cứu tài liệu, giáo trình phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học... Thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Hiện nay, Thư viện có khoảng trên 53 ngàn tên tài liệu các loại với trên 300.000 bản trong đó trong đó có nhiều sách, tạp chí phục vụ đào tạo Sau đại học ngành Tài chính - Ngân hàng. Ngoài ra, Trường Kinh tế có các tư liệu riêng được bố trí ở phòng tư liệu riêng của trường. Hàng năm Thư viện được bổ sung học liệu theo quy định của Nhà trường. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường. Nguồn tài liệu của Thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện số KIPOS. Hiện nay, nguồn tài liệu số của Thư viện có gần 15.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 12.000 đề tài luận án, luận văn. Ngoài ra, Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin với các trường đại

học trên cả nước nhằm nâng cao năng lực phục vụ, như: ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TP Hồ Chí Minh, Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia...

**Bảng 3.3. Danh mục học liệu phục vụ cho đào tạo ngành
Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự**

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
1.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin: Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021	51	Triết học
2.	Biện chứng của tự nhiên	PH. Ăng-ghen.	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004	12	
3.	Life-Intermediate, Student book (2 nd Edition)	Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett	National Geographic, P.(2019).		Tiếng Anh 1
4.	Life-Intermediate, Workbook (2 nd Edition)	Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett	National Geographic, P (2019).		
5.	Giáo trình Nhập môn Luật học	TS. Viên Thế Giang - TS Bùi Hữu Toàn (Đồng chủ biên)	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2020	Đề xuất mua	Nhập môn ngành Luật
6.	Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	TS. Đinh Ngọc Thắng (chủ biên)	NXB Đại học Vinh, 2019	80	Lý luận nhà nước pháp luật
7.	Giáo trình Lý luận chung về	Trương Đại	NXB Công		

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
	nhà nước và pháp luật	học Luật Hà Nội	an nhân dân, 2020		
8.	Giáo trình tin học ứng dụng		Việt Nam, 2019	80	Tin học
9.	Giáo trình Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	Nguyễn Thị Bích Ngọc (Chủ biên)	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023	80	Xây dựng văn bản pháp luật
10.	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	TS. Đinh Văn Liêm (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, 2021	80	Luật Hiến pháp
11.	Giáo trình Luật Dân sự	TS. Phạm Thị Thuý Liểu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	80	Luật Dân sự 1
12.	Giáo trình Luật Dân sự 1	PGS.TS. Ngô Huy Cương	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023	15	
13.	Giáo trình Luật Hành chính	GS.TS. Phạm Hồng Thái	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023	20	Luật Hành chính
14.	Giáo trình Kỹ năng nghiên cứu và lập luận	Trường ĐH Luật TP Hồ Chí Minh	NXB Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam	1	Giáo dục pháp luật thực
15.	Kỹ năng tư duy phản biện	PGS.TS. Lê	NXB Đại học	1	

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
		Thanh Sơn (chủ biên)	Huế, Huế 2018		hành (CLE)
16.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị),	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	50	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
17.	Life-Intermediate, Student book (2 nd Edition)	Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett	National Geographic, P.(2019).	10	Tiếng Anh 2
18.	Life-Intermediate, Workbook (2 nd Edition)	Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett	National Geographic, P (2019).	10	
19.	Giáo trình “Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2018.	80	Luật Dân sự 2
20.	Giáo trình Luật hình sự	ĐH Luật Hà Nội, GS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2018	20	Luật Hình sự
21.	Giáo trình Luật Kinh tế	TS. Phạm Thị Huyền Sang (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2023	59	Luật Thương mại
22.	Giáo trình Luật thương mại	Trường ĐH	NXB Tư	20	

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Việt Nam (tập 1,2)	Luật Hà Nội	pháp, Hà Nội 2020		
23.	Hệ thống án lệ và các nghị quyết của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao ban hành hướng dẫn áp dụng pháp luật về hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, lao động, hôn nhân, gia đình trong công tác xét xử của tòa án nhân dân 2000 - 2019.	Quách Văn Dương	Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, 2019	10	Án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam
24.	Giáo trình Luật tổ tụng dân sự Việt Nam	Trường ĐH Luật Hà Nội, Nguyễn Công Bình (Chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2020	20	Luật tổ tụng dân sự
25.	Bình luận khoa học bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015	Phạm Mạnh Hùng	NXB Lao Động, Hà Nội, 2019	5	
26.	Phương pháp phân tích luật viết	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện	NXB Chính trị quốc gia sự thật 2022	10	Đồ án Thực hành phân tích luật viết
27.	Kỹ năng viết cho người hành nghề Luật	TS. Trần Thị Quang Hồng	NXB Hồng Đức, 2021	20	
28.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào	Nxb Chính trị quốc gia Sự	50	Chủ nghĩa xã

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
		tạo	thật, Hà Nội, 2021		hội khoa học
29.	Giáo trình “Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liều (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	80	Đồ án hợp đồng dân sự
30.	Giáo trình Luật tố tụng hình sự	TS. Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, 2024	60	Luật tố tụng hình sự
31.	Giáo trình Luật thi hành án dân sự Việt Nam	TS. Nguyễn Công Bình, PGS.TS. Bùi Thị Huyền (Đồng chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2022	0 (đề nghị mua)	Thi hành án dân sự
32.	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.	50	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
33.	Giáo trình Luật lao động Việt Nam	PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu (chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2023	15	Luật Lao động
34.	Giáo trình Luật Lao động Việt Nam	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2021	20	
35.	Giáo trình Luật Dân sự	TS. Phạm Thị Thuý	NXB Đại học Vinh, Nghệ	80	Đồ án pháp luật

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
		Liễu (Chủ biên)	An, 2014		Tổ tụng dân sự
36.	Giáo trình “Luật tố tụng dân sự Việt Nam”	Trường ĐH Luật Hà Nội, Nguyễn Công Bình (Chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2019	20	
37.	Giáo trình “ Luật Sở hữu trí tuệ”	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2013	10	Luật sở hữu trí tuệ
38.	Giáo trình “ Luật Sở hữu trí tuệ”	Trường ĐH Luật TP Hồ Chí Minh	NXB Hồng Đức-Hội luật gia Việt Nam	0 (Đề nghị Mua)	
39.	Giáo trình “ Luật Hôn nhân và gia đình”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014	20	Luật hôn nhân gia đình
40.	Giáo trình “ Luật Hôn nhân và gia đình”	PGS. TS. Phan Trung Hiền (chủ biên)	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2023	10	
41.	Giáo trình “Tư pháp quốc tế”	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Tư pháp, Hà Nội, 2019	20	Pháp luật quốc tế
42.	Giáo trình “Luật Quốc tế”	Trường Đại học Luật Hà Nội, TS. Lê Mai	NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2018	20	

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
		Anh (chủ biên)			
43.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh: Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.		Tư tưởng Hồ Chí Minh
44.	Giáo trình “Luật Hôn nhân và gia đình”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014	0	Đồ án pháp luật về HNGĐ
45.	Chế độ hôn nhân và chế độ tài sản của vợ chồng: Theo pháp luật hôn nhân và gia đình	Quách Văn Dương	NXB Tư pháp, Hà Nội, 2019	10	
46.	Giáo trình Luật Đất đai	PGS.TS. Trần Quang Huy	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2019	20	Luật đất đai và Luật nhà ở
47.	Xử lý tình huống trong thi hành luật đất đai năm 2013	Nguyễn Minh Hằng	NXB Thông tin và truyền thông, 2014	10	
48.	Giáo trình “Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	80	Pháp luật về quyền nhân thân và bình
49.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình	TS. Phạm Thị Thuý	NXB Đại học Quốc gia Hà	0	

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
		Liều (Chủ biên)	Nội, Hà Nội, 2014		đăng giới
50.	Giáo trình Luật Thương mại quốc tế	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019	20	Luật thương mại quốc tế
51.	Giáo trình Luật Thương mại quốc tế	Trường ĐH Luật TP Hồ Chí Minh, TS. Trần Việt Dũng (chủ biên)	NXB Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam, 2019	20	
52.	Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2022	10	Lịch sử Nhà nước và pháp luật (TC1)
53.	Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	TS. Tăng Thị Thanh Sang (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, 2019	39	
54.	Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới (Dùng cho sinh viên các ngành khoa học xã hội và nhân văn)	PGS.TS Nguyễn Công Khanh (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, 2017	79	Lịch sử văn minh thế giới (TC1)
55.	Giáo trình Tiến trình lịch sử Việt Nam	Trần Vũ Tài (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, 2018	80	Tiến trình lịch sử Việt Nam (TC1)
56.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục, Hà Nội,	30	Cơ sở văn hoá

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
		(Chủ biên)	2001		Việt Nam (TC2)
57.	Kinh tế học vĩ mô	David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch	NXB Thống kê, Việt Nam, 2008	29	Kinh tế vĩ mô (TC2)
58.	Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Lũy, Đình Văn Vang	NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2017	10	Tâm lý học đại cương (TC2)
59.	Giáo trình Luật hành chính Việt Nam,	GS.TS Phạm Hồng Thái (chủ biên)	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2023	20	Pháp luật về hộ tịch
60.	Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam	Phạm Thị Thúy Liễu (chủ biên)	NXB Trường Đại học Vinh, 2018.	20	
61.	Sách chuyên khảo quyền tự do kinh doanh	Trường Đại học Kinh tế - Luật - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị	Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2020	0 (đề xuất mua)	Pháp luật về quyền tự do kinh doanh

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
		Thu Trang (chủ biên)			
62.	Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Trương ĐH Luật Hà Nội, Nguyễn Công Bình (Chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2020	20	Chứng cứ và chứng minh trong Tố tụng dân sự (TC3)
63.	Bình luận khoa học bộ luật tố tụng dân sự năm 2015	Phạm Mạnh Hùng	NXB Lao Động, Hà Nội, 2019	5	
64.	Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng	Vũ Công Gia , Đinh Ngọc Thắng (đồng chủ biên)	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2019	20	Quyền con người trong pháp luật hình sự (TC3)
65.	Giáo trình Kỹ năng hành nghề công chứng	Học viện tư pháp	NXB Tư pháp, Hà Nội, 2021	0 (đề xuất mua)	Pháp luật về công chứng hợp đồng (TC4)
66.	Bình luận một số quy định trong bộ luật dân sự năm 2015 có liên quan trực tiếp đến hoạt động công chứng	Tuấn Đạo Thanh (Chủ biên)	NXB Tư pháp, Hà Nội, 2015	10	
67.	Giáo trình Luật hình sự	ĐH Luật Hà Nội,	NXB Công an nhân dân,	20	Pháp luật về

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản trong thư viện Nguyễn Thúc Hào	Sử dụng cho môn học/ học phần
		GS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên)	Hà Nội, 2018		trách nhiệm hình sự của pháp nhân (TC4)
68.	Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại - nhận thức cần thống nhất.	GS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà (chủ biên)	NXB Tư pháp, Hà Nội, 2020	0 (đề xuất mua)	
69.	Giáo trình Luật thuế Việt Nam	ĐH Luật Hà Nội, PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu (Chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2019	20	Pháp luật thuế (TC4)
70.	Giáo trình luật tổ tụng hành chính Việt Nam	GS.TS Phạm Hồng Thái (Chủ biên)	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2023	15	Pháp luật tổ tụng hành chính (TC4)

3.3. Năng lực về chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu lĩnh vực ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

3.3.1. Chương trình đào tạo

Thực hiện đào tạo đại học chuyên ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự ở Trường Đại học Vinh là một bước tiến tiếp trên con đường đa dạng hoá phát triển đào tạo theo nhu cầu xã hội. Mặt khác, hội nhập là một xu thế tất yếu đối với các ngành, các lĩnh vực hoạt động trong đó có các trường đại học. Trường Đại học Vinh đã và đang tham gia vào xu thế này.

Xây dựng chương trình đại học Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo nhân lực có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp lý, am hiểu sâu sắc về các lĩnh vực chuyên sâu như thương mại, đất đai môi trường, tài chính và ngân hàng trong pháp luật dân sự, có khả năng tư vấn, khả năng phân tích đánh giá các vấn đề có liên quan đến pháp luật dân sự. Chương trình đại học Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự định hướng ứng dụng giúp người học có thể giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cũng như có năng lực nghiên cứu, phát triển những tri thức mới trong lĩnh vực pháp luật dân sự. Sau khi hoàn thành khóa học, ngoài kiến thức chuyên ngành, người học được trang bị kỹ năng viết pháp lý, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khai thác thông tin, tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề pháp lý, trở thành nhân sự đáp ứng nhu cầu tuyển dụng tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp hay các đơn vị hỗ trợ pháp lý.

3.3.2. Nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng dạy học và phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ được đội ngũ giảng viên tham gia ngành đào tạo Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự được thực hiện song song cùng với nhiệm vụ giảng dạy. Trong 5 năm trở lại đây, giảng viên của Trường đã biên soạn nhiều giáo trình, sách chuyên khảo và tham khảo phục vụ cho hoạt động đào tạo. Giảng viên, nhà khoa học thuộc Khoa Luật Kinh tế và Luật học đã chủ trì và tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở.

- Viết và đăng tải các bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế thuộc danh mục Wos (ISI) và Scopus như: Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Tạp chí Luật học, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Tạp chí Công thương, Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh... Từ 2018 - 2023, cán bộ giảng dạy của nhóm ngành Luật Kinh tế, Luật học đã đăng tải hơn 200 bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước.

- Tổ chức và tham gia các hội thảo cấp quốc tế, quốc gia và khu vực nhằm trao đổi những vấn đề học thuật và kinh nghiệm giảng dạy, đào tạo. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học. Tất cả những hội thảo đó đã đóng góp nhiều ý nghĩa quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của khoa cũng như góp phần phát triển kinh tế địa phương.

Bên cạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng dạy, Khoa và Nhà trường còn chú trọng đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên. Hàng năm, vào đầu năm học, các Khoa đã phân công cán bộ hướng dẫn các nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và đã đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học trong sinh

viên cấp Trường. Cán bộ giảng dạy của Trường đã hướng dẫn nhiều luận văn thạc sĩ có chất lượng.

Chi tiết về kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên tham gia chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự được thể hiện ở Phụ lục 2..

3.3.3. Hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

Trường Đại học Vinh nói chung, Trường Khoa học xã hội nhân văn nói riêng đã mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các chương trình đào tạo cho cán bộ tại nước ngoài đã thực hiện và có nhiều hiệu quả. Song song với công tác đào tạo, nhà trường cũng đã liên kết với các đối tác nước ngoài tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị mang tính quốc tế và các chương trình hợp tác trao đổi trên nhiều lĩnh vực. Trong thời gian này, Trường Đại học Vinh đã tranh thủ được sự giúp đỡ của các đối tác quốc tế thực hiện các dự án có tính khả thi và đóng góp nhiều cho sự nghiệp đào tạo của Trường. Trường Đại học Vinh thực hiện nhiều hoạt động khoa học phối hợp với các đối tác nước ngoài, tổ chức thành công các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Nhiều giảng viên và cán bộ của Trường Đại học Vinh là thành viên của các ủy ban, tổ chức khoa học trong nước và/hoặc quốc tế; cộng tác viên với các trung tâm khoa học ở Đức, Nhật, Pháp, Ba Lan, Nga, Hàn Quốc, Đài Loan, Canada và với các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực thiên văn học, động vật học, thực vật học, công nghệ, hóa học... Trường cũng cử giảng viên tham gia các khóa học chuyên ngành ở Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Lào, Campuchia và Thái Lan. Trường Đại học Vinh hợp tác với các cơ sở quốc tế để mời giảng viên đến trường. Có thể kể đến ELI (Học viện Anh ngữ) (Hoa Kỳ), chương trình Fulbright tại Việt Nam (Đại sứ quán Hoa Kỳ), Solidarité Jeunesse Việt Nam, Đại học Rennes 2 (Pháp), WUSC (Canada), UNESCO, Đại học Kent và Cambridge (Anh), KOICA (Hàn Quốc)...

Trường Đại học Vinh đã tiến hành ký kết Biên bản ghi nhớ với Trường Đại học Rajabhat Maha Sarakham (Thái Lan) trong chương trình làm việc, hai bên đã thảo luận về các mối quan hệ hợp tác giữa Trường Đại học Vinh và RMU, nhằm thúc đẩy sâu hơn sự hợp tác cả về đào tạo, trao đổi cán bộ và sinh viên vốn có giữa hai trường. Trường Đại học Vinh hợp tác với hai trường đại học Ba Lan triển khai Chương trình Erasmus Plus. Chương trình Erasmus Plus do Cộng đồng châu Âu tài trợ nhằm mục đích hỗ trợ công tác giáo dục, đào tạo, thanh niên và thể thao ở các nước châu Âu. Hàng năm, các trường đại học của châu Âu tham gia Chương trình Erasmus Plus được hỗ trợ kinh phí cử giảng viên tới giảng dạy và gửi người học tới học tập ở các trường đối tác trong và ngoài châu Âu.

Hiện nay, Trường Đại học Vinh hợp tác với một số trường đại học Thái Lan trong chương trình liên kết cấp bằng và với các trường đại học Thái Lan, Lào, Ghanian, Liberia, Cameroon trong các chương trình đào tạo đại học và sau đại học do sinh viên trả lương trực tiếp hoặc thông qua học bổng quốc gia. Số lượng sinh viên nước ngoài theo học tại trường Đại học Vinh là hơn 600 sinh viên. Trong những năm tới, con số này sẽ tăng lên đáng kể do sự phát triển của các đối tác quốc tế với các lĩnh vực cụ thể.

Đồng thời, Trường Đại học Vinh thực hiện các chương trình giao lưu, quảng bá các giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Nhiều chương trình được thực hiện với các đối tác quốc tế đã góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế. Ví dụ như Trao đổi sinh viên với Đại học Nam Florida (Hoa Kỳ), Chương trình trao đổi sinh viên quốc tế GMS giữa Thái Lan, Lào và Việt Nam (chương trình trao đổi sinh viên giữa các nước tiểu vùng sông Mekong, Đại học Rajabhat Maha Sarakham, Đại học Nakhon Phanom), trao đổi sinh viên Hàn Quốc.

3.4. Khả năng đảm bảo tài chính đầu tư cho phát triển ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

Về tài chính, hiện nay Trường Đại học Vinh đảm bảo các nguồn chi thường xuyên cho các hoạt động của Trường, của Khoa Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự; khi ngành đào tạo đi vào hoạt động với học phí thu được và các hoạt động hợp tác của ngành sẽ mang lại các nguồn thu, đảm bảo điều kiện cân đối các hoạt động của ngành nói riêng và của Nhà trường nói chung.

PHẦN 4
MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ TỔNG QUAN
VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu mở đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự được thiết kế để trang bị cho người học năng lực thực hành, ứng dụng kiến thức chuyên môn về lĩnh vực pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự vào thực tiễn. Người học sau khi hoàn thành chương trình đại học Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự sẽ được có kiến thức chuyên môn; có khả năng phân tích, tổng hợp, phát triển hoạt động nghề nghiệp thực tế tại doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, văn phòng công chứng, công ty luật cũng như các tổ chức hỗ trợ pháp lý. Người học được trang bị nền tảng vững chắc về kiến thức chuyên môn sâu, năng lực làm việc độc lập và sáng tạo, sự hiểu biết sâu sắc về pháp luật, đạo đức nghề nghiệp về hành nghề đáp ứng yêu cầu về nhân lực chất lượng cao cho cả nước, khu vực Bắc Trung Bộ nói chung và Nghệ An nói riêng.

Chương trình đào tạo đại học Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự có kiến thức trong lĩnh vực pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, có kỹ năng thực hành chuyên nghiệp và hiệu quả. Phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, có những kiến thức nền tảng phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ luật.

Mặt khác, khi có thêm một mã ngành đào tạo trình độ đại học thì đây cũng là điều kiện để đội ngũ Giảng viên, cán bộ viên chức của Khoa Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự và Nhà trường có thêm cơ hội phát triển năng lực chuyên môn và nghiên cứu khoa học ở cấp bậc đào tạo này. Có điều kiện để có những đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường và cộng đồng.

4.2. Mục tiêu tuyển sinh và đào tạo đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

4.2.1. Mục tiêu tuyển sinh

Tuyển sinh những người học được tuyển thẳng, những người học đủ tiêu chuẩn dự thi theo đúng quy chế tuyển sinh của trường Đại học Vinh.

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/BGDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Dự kiến quy mô tuyển sinh (nếu ngành được phép mở từ năm 2024)

Năm	2024	2025	2026	2027	2028	2029	...	2033
Số lượng SV	35	35	35	40	50	60	80	80

Trong 5 năm đầu tiên, từ 2024, ngành đăng ký tuyển sinh 35 - 50 sinh viên, từ năm 2029 trở đi, mỗi năm ổn định quy mô tuyển sinh 80 sinh viên 1 năm.

4.2.2. Mục tiêu đào tạo và hiệu quả đào tạo của ngành

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự được xây dựng nhằm mục tiêu trang bị cho người học kiến thức và vận dụng kiến thức chuyên sâu của pháp luật dân sự để giải quyết các vấn đề thực tiễn và các kỹ năng tác nghiệp cụ thể về các lĩnh vực như: pháp luật về hợp đồng, pháp luật về hôn nhân gia đình, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về đất đai và môi trường, pháp luật thương mại quốc tế, pháp luật về tố tụng dân sự, pháp luật về lao động... Người học cũng có các kỹ năng thực hành thành thạo nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, giải quyết những vấn đề chuyên môn và tổ chức, điều hành công việc có liên quan đến pháp luật dân sự. Vận dụng kỹ năng nghiên cứu, tư duy pháp lý, phân tích và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực pháp luật dân sự; có kỹ năng viết pháp lý, giao tiếp, có tư duy logic, khả năng phân tích và tổng hợp.

4.3. Tổng quan về chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự

4.3.1. Thông tin chung

Bảng 4.1. Bảng mô tả thông tin chung của chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự

1.	Tên ngành đào tạo:	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự (Civil law and Civil procedure law)
2.	Mã số ngành đào tạo:	7380103
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4.0 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Luật
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ:	Khoa Luật Kinh tế, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy - Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	4
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Phiên bản:	Phiên bản 1.0

4.3.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

a. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự.

b. Mục tiêu cụ thể

(PO1) Có kiến thức đại cương làm nền tảng cho hoạt động pháp lý và kiến thức chuyên sâu về pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự;

(PO2) Thể hiện sự trung thành với Tổ quốc, tuân thủ pháp luật, chấp hành các chính sách của Nhà nước; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm nghề luật;

(PO3) Thể hiện kỹ năng tư duy; thực hiện nghiên cứu pháp lý và giao tiếp trong bối cảnh pháp lý; triển khai làm việc cá nhân và làm việc nhóm; thực hiện kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp.

(PO4) Có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

4.3.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

**Bảng 4.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cử nhân
ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự**

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) <i>Sau khi hoàn thành CTĐT Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, người học có khả năng:</i>	Điểm NL cần đạt <i>{Mức NL}</i>
1. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		
1.1.	Hiểu kiến thức đại cương làm nền tảng cho hoạt động pháp lý	
1.1.1.	Hiểu kiến thức về khoa học chính trị, khoa học xã hội làm nền tảng cho hoạt động pháp lý	2.5 {K3}
1.1.2.	Hiểu kiến thức về ngoại ngữ và công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động pháp lý	2.5 {K3}
1.2.	Áp dụng kiến thức chuyên ngành trong hoạt động pháp lý	
1.2.1.	Áp dụng các quy định trong các lĩnh vực pháp luật hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự, pháp luật kinh tế, pháp luật quốc tế trong hoạt động pháp lý	3.5 {K4}
1.2.2.	Áp dụng các quy định pháp luật chuyên sâu về dân sự, hôn nhân gia đình, sở hữu trí tuệ trong hoạt động pháp lý	3.5 {K4}

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) <i>Sau khi hoàn thành CTĐT Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, người học có khả năng:</i>	Điểm NL cần đạt <i>{Mức NL}</i>
1.2.3	Áp dụng các quy định pháp luật chuyên sâu về tố tụng dân sự, thi hành án dân sự trong hoạt động pháp lý.	3.5 {K4}
2. Phẩm chất, mức độ tự chủ và trách nhiệm		
2.1.	Thể hiện phẩm chất cá nhân, đạo đức nghề nghiệp	
2.1.1.	Thể hiện sự trung thành với Tổ quốc, tuân thủ pháp luật, chấp hành các chính sách của Nhà nước, trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý.	3.5 {A4}
2.1.2.	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật và trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và cộng đồng	3.5 {A4}
3. Kỹ năng nghề nghiệp		
3.1.	Thể hiện tư duy pháp lý và tư duy phản biện	
3.1.1.	Thể hiện tư duy pháp lý	3.5 {S4}
3.1.2.	Thể hiện tư duy phản biện	3.5 {S4}
3.2.	Thực hiện nghiên cứu pháp lý	
3.2.1.	Thực hiện nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của quy định pháp luật	3.5 {S4}
3.2.2.	Thực hiện nghiên cứu, đánh giá hồ sơ, tình huống pháp lý	3.5 {S4}
3.3.	Thực hiện giao tiếp trong bối cảnh pháp lý	
3.3.1.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp bằng lời nói trong bối cảnh pháp lý	3.5 {S4}
3.3.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp bằng văn bản trong bối cảnh pháp lý	3.5 {S4}
3.4.	Triển khai làm việc cá nhân và làm việc nhóm	
3.4.1.	Triển khai học tập độc lập, quản lý thời gian và nhận biết năng lực của bản thân	3.5 {S4}
3.4.2.	Thực hiện kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	3.5 {S4}
3.4.3.	Triển khai tổ chức và thực hiện hoạt động nhóm hiệu quả	3.5 {S4}
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành		
4.1.	Hình thành ý tưởng, thiết kế phương án, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
4.1.1.	Hiểu bối cảnh xã hội, bối cảnh nghề nghiệp trong hoạt động pháp lý	3.5 {C4}
4.1.2.	Hình thành ý tưởng về hoạt động pháp lý trong lĩnh vực pháp	3.5 {C4}

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) <i>Sau khi hoàn thành CTĐT Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, người học có khả năng:</i>	Điểm NL cần đạt <i>{Mức NL}</i>
	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
4.1.3.	Thiết kế phương án hoạt động pháp lý trong lĩnh vực pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	3.5 {C4}
4.1.4.	Triển khai hoạt động pháp lý trong lĩnh vực pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	3.5 {C4}
4.1.5.	Đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực pháp Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	4.5 {C5}

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong bảng 4.3.

Bảng 4.3. Bảng mô tả mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							
	1.1	1.2	2.1	3.1	3.2	3.3	3.4	4.1
PO1	✓	✓						
PO2			✓					
PO3				✓	✓	✓	✓	
PO4								✓

4.3.4. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, tại Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh gồm:

Tổng số tín chỉ 126 tín chỉ (chưa bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành), trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 tín chỉ (16,7%);
- Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 105 tín chỉ (83,3%). Trong đó:
 - + Khối kiến thức bắt buộc: 89 tín chỉ (70,7%);
 - + Khối kiến thức tự chọn: 08 tín chỉ (6,3%);
 - + Khóa luận và thực tập tốt nghiệp: 8 tín chỉ (6,3%).

Trong đó, có 07 học phần dạy học theo đồ án, dự án tương ứng với 32 tín chỉ (25.4%);

Thời gian đào tạo là 4 năm, trong đó thời gian thực tập tốt nghiệp là: 03 tháng.

Bảng 4.4. Chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	(1) Lý thuyết/(2) Thực hành, thực tập/(3) Thảo luận, Bài tập/(4) Học phần dự án/(5) Thực tập TN/(6) Đồ án TN						Học kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)
				1	2	3	4	5	6			
		Kiến thức bắt buộc										
1		Nhập môn ngành Luật	3				45			1	Bắt buộc	Trường KHXH& NV
2		Lý luận về nhà nước và pháp luật	4	40		20				1	Bắt buộc	Luật học
3	INF20002	Tin học	3	30		15				1	Bắt buộc	Viện KT&CN
4	LAW30036	Xây dựng văn bản pháp luật	2	20		10				1	Bắt buộc	Luật học
5		Luật Hiến pháp	3	30		15				1	Bắt buộc	Luật học
6		Luật Dân sự 1	5	50		25				2	Bắt buộc	Luật kinh tế
7		Luật Hành chính	3	30		15				2	Bắt buộc	Luật học
8	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30		15				2	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
9	POL11001	Triết học Mác-Lênin	3	30		15				2	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
10		Tự chọn 1	2	20		10				2	Tự chọn	
11	LAW31016	Giáo dục pháp luật thực hành (CLE)	4						60	3	Bắt buộc	Luật học

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	(1) Lý thuyết/(2) Thực hành, thực tập/(3) Thảo luận, Bài tập/(4) Học phần dự án/(5) Thực tập TN/(6) Đồ án TN						Học kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)
12	POL11002	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	2	20		10				3	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
13	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45		15				3	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
14		Luật Dân sự 2	5	50		25				3	Bắt buộc	Luật kinh tế
15		Luật Hình sự	4	20		10				3	Bắt buộc	Luật kinh tế
16		Luật Thương mại	5	50		25				4	Bắt buộc	Luật kinh tế
17	LAW30009	Án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam	3	30		15				4	Bắt buộc	Luật kinh tế
18		Luật Tố tụng dân sự	4	40		20				4	Bắt buộc	Luật kinh tế
20		Đồ án Thực hành phân tích luật viết	4						60	4	Bắt buộc	Luật kinh tế
21	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		10				4	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
22		Đồ án Hợp đồng dân sự	4						60	5	Bắt buộc	Luật kinh tế
23		Luật tố tụng hình sự	2	40		20				5	Bắt buộc	Luật học
24		Luật Thi hành án dân sự	3	30		15				5	Bắt buộc	Luật kinh tế
25	POL11004	Lịch sử Đảng	2	20		10				5	Bắt	Giáo dục

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	(1) Lý thuyết/(2) Thực hành, thực tập/(3) Thảo luận, Bài tập/(4) Học phần dự án/(5) Thực tập TN/(6) Đồ án TN						Học kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)
		Cộng sản Việt Nam									buộc	chính trị
26		Tự chọn 2	2	20		10				5	Bắt buộc	Luật kinh tế
27	LAW31019	Luật Lao động	3	30		15				5	Bắt buộc	Luật kinh tế
28		Đồ án Pháp luật tổ tụng dân sự	4						60	6	Bắt buộc	Luật kinh tế
29		Luật Sở hữu trí tuệ	3	30		15				6	Bắt buộc	Luật kinh tế
30	LAW30042	Luật Hôn nhân và gia đình	3	30		15				6	Bắt buộc	Luật kinh tế
31		Pháp luật quốc tế	5	30		15				6	Bắt buộc	Luật kinh tế
32	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		10				6	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
33		Đồ án Pháp luật về hôn nhân và gia đình	4						60	7	Bắt buộc	Luật kinh tế
34		Luật Đất đai và Luật nhà ở	3	30		15				7	Bắt buộc	Luật kinh tế
35		Pháp luật về quyền nhân thân và bình đẳng giới	4	40		20				7	Bắt buộc	Luật kinh tế
36	LAW31030	Luật Thương mại quốc tế	2	20		10				7	Bắt buộc	Luật kinh tế

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	(1) Lý thuyết/(2) Thực hành, thực tập/(3) Thảo luận, Bài tập/(4) Học phần dự án/(5) Thực tập TN/(6) Đồ án TN						Học kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)
		Tự chọn 3	2	20		10				7	Tự chọn	
37		Tự chọn 4	2	20		10				7	Tự chọn	
38		Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8					45	75	8	Bắt buộc	Luật kinh tế
		Tổng	126									
		Tự chọn 1										
1.		Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	20		10					Tự chọn	Luật học
2.		Lịch sử văn minh thế giới	2	20		10					Tự chọn	Lịch sử
3.		Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	20		10					Tự chọn	Lịch sử
		Tự chọn 2										
1.		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20		10					Tự chọn	Ngữ văn
2.		Kinh tế vĩ mô	2	20		10					Tự chọn	Kinh tế
		Tâm lý học đại cương	2	20		10					Tự chọn	Tâm lý - Giáo dục
3.												
		Tự chọn 3										
1.		Pháp luật về hộ tịch	2	20		10					Tự chọn	Luật học
2.		Pháp luật về	2	20		10					Tự	Luật kinh

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	(1) Lý thuyết/(2) Thực hành, thực tập/(3) Thảo luận, Bài tập/(4) Học phần dự án/(5) Thực tập TN/(6) Đồ án TN						Học kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)
		quyền tự do kinh doanh									chọn	tế
3.		Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự	2	20		10					Tự chọn	Luật kinh tế
4.		Quyền con người trong pháp luật hình sự	2	20		10					Tự chọn	Luật học
		Tự chọn 4										
1.		Pháp luật về công chứng hợp đồng	2	20		10					Tự chọn	Luật Kinh tế
2.		Pháp luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân	2	20		10					Tự chọn	Luật học
3.		Pháp luật thuế	2	20		10					Tự chọn	Luật kinh tế
4.		Pháp luật tố tụng hành chính	2	20		10					Tự chọn	Luật học

PHẦN 5

GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN MỞ MÃ NGÀNH

5.1. Xây dựng chương trình đào tạo

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, chúng tôi thực hiện theo các quy định hiện hành về xây dựng Chương trình đào tạo, bao gồm:

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học.

Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 13 tháng 09 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “*Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030*”.

Sau khi có quyết định thành lập Tổ soạn thảo đề án, tổ đã tiến hành xây dựng dự thảo Chương trình đào tạo, có khảo sát các bên liên quan về nhu cầu đào tạo, các nội dung trong CTĐT theo các bước trong các quy định hiện hành.

Chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự được xây dựng theo định hướng năng lực tiếp cận CDIO, có đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, và Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030, có đối sánh với chương trình đào tạo cùng ngành và ngành gần của các trường đại học trong nước như: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Luật Hà Nội,... và một số trường đại học

nước ngoài như: Đại học Quốc gia Singapore, Đại học Monash, Đại học Trung Văn Hồng Kông - Chinese University of Hongkong,...

5.2. Xây dựng Đề án mở ngành

- Khảo sát nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh thành lân cận.

- Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời đối sánh với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín khác trong và ngoài nước.

- Triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo chương trình đào tạo đã được thông qua.

- Thu thập, hệ thống toàn bộ hồ sơ về văn bằng, chứng chỉ, lý lịch khoa học của đội ngũ nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

Sau khi cơ bản hoàn thành dự thảo đề án mở ngành, Hội đồng Khoa đã họp, rà soát và đề xuất danh sách Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư. Nhóm chủ trì xây dựng đề án báo cáo đã thực hiện các bước đúng quy trình, trình tự, thủ tục mở ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự trình độ sau đại học theo Quyết định số 922/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Trường Đại học Vinh.

Khảo sát nhu cầu đào tạo lao động có trình độ Đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

Kết quả khảo sát đối tượng là cơ quan, người sử dụng lao động, người lao động đối với nhu cầu sử dụng lao động ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự: có 49% ý kiến trả lời là thiếu và 77% đồng ý tuyển dụng nhân sự ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự.

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra các công việc phù hợp với chuyên môn Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự làm việc tại cơ quan toà án và viện kiểm sát: các ý kiến đều cho thấy sự phù hợp giữa vị trí công việc và chuyên ngành đào tạo.

Nhóm phụ huynh, học sinh, người quan tâm: có 35.8% ý kiến trả lời là thiếu, 8,4% ý kiến trả lời là rất thiếu và 49% cho rằng nhu cầu bình thường. Có 93% ý kiến được hỏi cho biết cần mở mã ngành đào tạo đại học Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự với 47.4% ý kiến cho rằng mã ngành này có phạm vi công việc rộng, có nhiều cơ hội nghề nghiệp. ***Chi tiết, Phụ lục 5 đính kèm.***

5.3. Đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng

Công tác quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học có vai trò quan trọng, góp phần cho mục tiêu đảm bảo chất lượng chung tại Trường Đại học Vinh. Để tổ chức quá trình đào tạo đại học đạt chất lượng cao đòi hỏi

nhà trường phải đáp ứng tốt các điều kiện về nguồn nhân lực, vật lực và tài lực, trong đó CTĐT là một thành tố rất quan trọng. Hiện nay, các điều kiện đảm bảo chất lượng mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự đáp ứng đủ theo Quyết định số 922/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Trường Đại học Vinh. Các căn cứ pháp lý đã quy định mục tiêu, khối lượng kiến thức tối thiểu, cấu trúc, khung CTĐT đại học; Quy trình thiết kế, thẩm định và đánh giá, cải tiến CTĐT; các tiêu chuẩn để đánh giá, kiểm định chất lượng CTĐT. Đây là những căn cứ quan trọng giúp các biện pháp đề xuất mang tính thuyết phục cao hơn.

Để một CTĐT được thiết kế và vận hành đạt được chất lượng cao thì ngoài việc đảm bảo việc thiết kế CTĐT một cách khoa học, chặt chẽ thì việc đảm bảo các yếu tố về chính sách, nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, và cả việc thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng cho quá trình vận hành CTĐT là vô cùng cần thiết và quan trọng. Điều này giúp CTĐT được vận hành một cách thuận lợi, kích thích động lực làm việc của đội ngũ tham gia vào phát triển CTĐT. Vì vậy cần nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên về tầm quan trọng của CTĐT trình độ đại học, xây dựng quy định, quy trình, bộ công cụ về phát triển CTĐT trình độ đại học, nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận mới trong phát triển CTĐT đại học, thu hút các bên liên quan tham gia vào quá trình phát triển CTĐT, đảm bảo các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động phát triển CTĐT. Ngoài ra, cần trang bị các tài liệu, sách báo liên quan đến phát triển CTĐT SDH Nhà trường cần trang bị, cung cấp các tài liệu liên quan đến phát triển CTĐT để nhóm chuyên trách, thành viên các tổ soạn thảo dễ dàng tiếp cận và tham khảo trong quá trình thực hiện phát triển CTĐT. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hỗ trợ cho việc triển khai thực hiện CTĐT, thiết lập hệ thống bảo chất lượng CTĐT SDH trong nội bộ Nhà trường.

Trong lộ trình nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa Luật Kinh tế và Trường Khoa học xã hội nhân văn tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng theo kế hoạch phát triển chất lượng của Trường, nhằm đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo của ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự và các ngành đào tạo khác của Trường.

5.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo dự kiến được đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chương trình sau 5 năm.

Chương trình đào tạo sau khi được thiết kế và đưa vào vận hành thì cần phải tiến hành đánh giá, kiểm định liên tục nhằm khắc phục những hạn chế trong quá trình đào tạo; cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng ngày càng cao của thực tiễn nghề nghiệp; phù hợp với thực tiễn giáo dục trên thế giới, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm

định chất lượng CTĐT. Mục tiêu cuối cùng của hoạt động đánh giá, kiểm định CTĐT nhằm nâng cao chất lượng CTĐT.

Để thực hiện kế hoạch đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT, nhà trường cần thực hiện:

- Xây dựng quy định về đánh giá và kiểm định CTĐT SDH. Để hoạt động này được thực hiện khoa học hơn thì Trường cần xây dựng quy định về đánh giá, kiểm định CTĐT đại học. Nội dung của quy định gồm: Xác định mục tiêu của đánh giá, cải tiến CTĐT; thời gian thực hiện hoạt động đánh giá, cải tiến; quy trình thực hiện; trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện đánh giá, điều chỉnh; hệ thống các hồ sơ, biểu mẫu hỗ trợ... Quy định này cần phải tiến hành lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan trước khi ký ban hành.

- Xây dựng quy trình về đánh giá và kiểm định CTĐT đại học. Quy trình đánh giá, kiểm định CTĐT cần thực hiện theo các bước sau:

- (1) Lập kế hoạch đánh giá, kiểm định CTĐT;

- (2) Thành lập Tổ đánh giá và kiểm định CTĐT;

- (3) Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...);

- (4) Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển CTĐT và mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT;

- (5) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa xem xét thông qua lần 1;

- (6) Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT được đánh giá, kiểm định. Tiến hành hoàn chỉnh CTĐT và trình Hội đồng Khoa học Đào tạo Khoa thông qua;

- Tiến hành đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm quá trình đánh giá, kiểm định CTĐT. Tổng kết, rút kinh nghiệm cho quá trình đánh giá, kiểm định CTĐT cần phải quan tâm thực hiện để đánh giá lại những ưu điểm, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm giữa các Khoa về đánh giá, kiểm định CTĐT. Thông qua hoạt động này để động viên, khen thưởng những đơn vị, cá nhân thực hiện tốt quá trình điều chỉnh CTĐT.

PHẦN 6

ĐÁNH GIÁ RỦI RO, GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ

6.1. Phân tích đánh giá rủi ro

Về khách quan: Hiện nay đã có một số trường Đại học trên cả nước đào tạo đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự. Trên địa bàn, tại các trường Đại học khác trên địa bàn Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh chưa có trường nào đào tạo đại học ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự. Các rủi ro khách quan của ngành về các yếu tố tình hình kinh tế, xã hội địa phương, tình hình dịch bệnh,... nằm chung trong bối cảnh của Trường Đại học Vinh.

Về chủ quan: các khả năng rủi ro về chủ quan của Khoa Luật Kinh tế, của Trường Khoa học xã hội nhân văn, như: năng lực đội ngũ giảng viên, các mối quan hệ phát triển của khoa, khả năng truyền thông, điều kiện tài chính của khoa,... đã được chúng tôi đánh giá, có báo cáo riêng, trong báo cáo khảo sát nhu cầu mở ngành.

6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và khắc phục rủi ro khi mở ngành

Về khách quan: các rủi ro khách quan của ngành về các yếu tố tình hình kinh tế, xã hội địa phương, tình hình dịch bệnh,... nằm chung trong bối cảnh của Trường Đại học Vinh. Khoa Luật Kinh tế, Trường Khoa học xã hội nhân văn thực hiện theo kế hoạch, giải pháp chung của Trường Đại học Vinh

Về chủ quan: các khả năng rủi ro về chủ quan của Khoa Luật Kinh tế, của Trường Khoa học xã hội nhân văn, như: năng lực đội ngũ giảng viên, các mối quan hệ phát triển của khoa, khả năng truyền thông, điều kiện tài chính của khoa,... chúng tôi khái quát như sau:

- + Về năng lực đào tạo của đội ngũ giảng viên: Yêu cầu mỗi giảng viên có kế hoạch riêng cho tự bồi dưỡng chuyên môn để đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình mới này;

- + Về năng lực nghiên cứu: tăng cường những công trình nghiên cứu về pháp luật dân sự phục vụ cho đào tạo ngành;

- + Về truyền thông: Ngay sau khi được Nhà trường cho phép mở mã ngành, chúng tôi có kế hoạch, lộ trình quảng bá tuyển sinh tốt nhất có thể;

- + Về chăm sóc, hỗ trợ người học: Khoa Luật Kinh tế, Trường Khoa học xã hội nhân văn trước đây có truyền thống chăm sóc, hỗ trợ người học tốt. Nay chúng tôi tiếp tục phát huy truyền thống đó. Đồng thời có những biện pháp phù hợp hơn trong tình hình mới để chăm sóc, hỗ trợ người học trong tuyển sinh, đào tạo và giới thiệu việc làm, phát triển nghề nghiệp,...

+ Trong trường hợp rủi ro bị đình chỉ hoạt động, có thể xử lý theo các hướng như sau:

Đối với đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên khoa Luật Kinh tế, Khoa Luật học hiện nay đang tham gia giảng dạy các học phần cho chương trình đào tạo bậc Đại học ngành Luật học, Luật Kinh tế, một số học phần chung như Luật Kinh tế cho các nhóm ngành bậc đại học của Trường Kinh tế và học phần Pháp luật Việt Nam của một số ngành như Giáo dục Chính trị, Quản lý hành chính nhà nước... Bên cạnh đó, cán bộ giảng dạy đồng thời tham gia giảng dạy chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lịch sử và Lý luận Nhà nước pháp luật, nên việc đình chỉ tuyển sinh của 1 ngành (nếu có) không ảnh hưởng nhiều đến định mức lao động, giờ dạy của giảng viên;

Đối với chương trình đào tạo: Ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự có thể phát triển, điều chỉnh sang các ngành gần, như Luật học, Luật Kinh tế. Các ngành này hiện đang được đào tạo tại Trường Khoa học xã hội nhân văn, Trường Đại học Vinh, có nhu cầu cao trong xã hội hiện đại và hàng năm đều tuyển sinh vượt chỉ tiêu.

PHẦN 7

CAM KẾT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

7.1. Cam kết về chất lượng

Chúng tôi cam kết có chất lượng và hiệu quả đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường Đại học Vinh và nhu cầu nguồn nhân sự pháp lý của xã hội.

7.2. Cam kết điều kiện đảm bảo chất lượng

Cơ sở vật chất của trường hiện có hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu cơ bản của việc giảng dạy và nghiên cứu, học tập, thực hành của học viên ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự. Bên cạnh các điều kiện cơ vật chất như thư viện, phòng thực hành máy tính,... người học được cấp tài khoản sử dụng phần mềm đào tạo trực tuyến để quản lý quá trình học tập, tự tra cứu tiến độ, kế hoạch học tập, học phí, bảng biểu mẫu, các yêu cầu đối với từng cá nhân, và được hỗ trợ khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các hoạt động như Hội thảo khoa học.

Các chế độ, chính sách đối với người học được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định; tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành đúng quy chế.

Khoa Luật Kinh tế kính đề nghị Trường Đại học Vinh cho phép Khoa được mở ngành đào tạo Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự trình độ đại học từ năm học 2024 - 2025 với chỉ tiêu đào tạo ban đầu là 30 sinh viên.

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TM. TỔ SOẠN THẢO
TỔ TRƯỞNG

TS. Hà Thị Thuý

PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

PHỤ LỤC

DANH MỤC PHỤ LỤC KÈM THEO ĐỀ ÁN

TT	Phụ lục	Trang
1.	Phụ lục 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	71
2.	<i>Phụ lục 2: Thống kê nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên chương trình đào tạo Ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự</i>	88
3.	Phụ lục 3: Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	118
4.	Phụ lục 4: Mối quan hệ hợp tác của khoa với các đơn vị, cá nhân	125
5.	Phụ lục 5: Báo cáo khảo sát nhu cầu xã hội về đào tạo trình độ đại học Ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	128

Phụ lục 1

**Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần,
môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo ngành
Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự**

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
1.	Phạm Thị Huyền Sang	Việt Nam	PGS, 2023	TS, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	2009	X	15	1	5	
2.	Phạm Thị Thuý Liễu	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Luật Kinh tế	2009	X	15		5	
3.	Trần Thị Vân Trà	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	2009	X	15		4	
4.	Đinh Ngọc Thắng	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Luật	1993	X	21	1	6	
5.	Đinh Văn Liêm	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Luật Hiến pháp	2009	x	15		5	
6.	Phan Nữ Hiền Oanh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Luật Kinh tế	2010	X	14		2	
7.	Nguyễn Thị Thanh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Luật Kinh tế	2007	X	17		5	
8.	Lê Hồng Hạnh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	2009	X	14		2	
9.	Nguyễn Văn Dũng	Việt Nam		TS, Kazakhstan, 2014	Luật Kinh tế	2015	X	9		2	
10.	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Luật Hình sự	2012	X	12		2	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
11.	Hà Thị Thuý	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	2009	X	14		2	
12.	Hồ Thị Hải	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	2011	X	12		5	
13.	Nguyễn Thị Hà	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Hành chính	2009	X	14		4	
14.	Bùi Thị Phương Quỳnh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Luật Hình sự	2010	X	14		2	
15.	Nguyễn Văn Đại	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Lý luận luận nhà nước pháp luật	2009	X	15		5	
16.	Ngô Thị Thu Hoài	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Hành chính, Luật Hiến pháp	2009	X	14		4	
17.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Hành chính và Luật Hiến	2008	X	16		3	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
					pháp						
18.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	2011	X	12		2	
19.	Hồ Thị Nga	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Luật Hành chính và Luật Hiến pháp	2009	X	15		2	
20.	Đặng Thị Phương Linh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Luật Hình sự	2011	X	13		2	
21.	Nguyễn Thị Thùy Dung	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Hành chính và Luật Hiến pháp	2011	X	13		3	
22.	Bùi Hạnh Phúc	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2019	Lý luận, Lịch sử NN & PL	2017	X	7		1	
23.	Chu Thị Trinh	Việt Nam		ThS, LB Nga, 2016	Luật Kinh tế	2010	X	14		1	
24.	Nguyễn Mai Ly	Việt Nam		ThS, Úc, 2019	Luật Kinh tế	2014	X	10		1	
25.	Nguyễn	Việt		ThS, Việt	Lý	2017	X	7		1	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
	Thị Hồng Nhật	Nam		Nam, 2018	luận, Lịch sử NN & PL						
26.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Luật Kinh tế	2015	X	9		1	
27.	Bùi Thuận Yên	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2016	Luật Dân sự	2011	X	13		1	
28.	Ngũ Thị Như Hoa	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Luật Dân sự	2010	X	14		1	
29.	Cao Thị Ngọc Yến	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Lý luận, Lịch sử NN & PL	2015	X	9		1	
30.	Hồ Trọng Hữu	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2016	Luật Hình sự	2015	X	9		1	
31.	Đoàn Minh Trang	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2018	Lý luận, Lịch sử NN & PL	2017	X	7		1	
32.	Nguyễn Thị Mai Anh	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Luật Hành chính và Luật hiến	2014	X	10		1	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
					pháp						
33.	Nguyễn Thị Mai Trang	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Luật Hình sự	2010	X	14		1	
34.	Nguyễn Thị Ngọc Thành	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	2023	X	1		0	
35.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2021	Lý luận, Lịch sử NN & PL	2023	x	1		0	
36.	Tăng Thị Thanh Sang	Việt Nam		TS, Trung Quốc, 2012	Lịch sử thế giới	2005	x	19		4	
37.	Trần Thị Kim Oanh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2010	Tin học	2005	x	19	1	4	
38.	Nguyễn Bùi Hậu	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Tin học	2012	x	12		3	
39.	Phan Lê Na	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2013	Tin học	2005	x	19		2	
40.	Trần Xuân Hào	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2006	Tin học	2004	x	20		2	
41.	Lê Quốc Anh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Tin học	2009	x	14		2	
42.	Phan Huy Chính	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2018	Chính trị học	2006	x	18		2	
43.	Nguyễn Văn Sang	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Chính trị học	2005	x	19		3	
44.	Nguyễn	Việt	PGS,	TS, Việt	Chính	2004	x	20	1	3	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
	Thái Sơn	Nam	Việt Nam , 2017	Nam, 2009	trị học						
45.	Lê Thị Nam An	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2015	Chính trị học	2006	x	18		3	
46.	Trần Viết Quang	Việt Nam	PGS, Việt Nam, 2012	TS, Việt Nam, 2007	Triết học	1980	x	44	1	3	
47.	Phạm Thị Bình	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2009	Triết học	1993	x	31		3	
48.	Trương Thị Phương Thảo	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Triết học	2002	x	22		3	
49.	Phan Văn Tuấn	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Triết học	2007	x	17		2	
50.	Phạm Thị Thúy Hồng	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2023	Chính trị học	2007	x	17		3	
51.	Nguyễn Thị Lê Vinh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2023	Chính trị học	2010	x	14		3	
52.	Lê Thị Thanh Hiếu	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2023	Triết học	2010	x	14		3	
53.	Nguyễn Thị Mỹ Hương	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Chính trị học	2000	x	24		2	
54.	Nguyễn	Việt		ThS, Việt	Triết	1995	x	29		2	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
	Thị Diệp	Nam		Nam, 2007	học						
55.	Nguyễn Thị Hải Yến	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Chính trị học	2004	x	20		2	
56.	Hoàng Thị Nga	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Chính trị học	2010	x	14		1	
57.	Vũ Thị Phương Lê	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Chính trị học	2000	x	24		2	
58.	Lê Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Phương pháp GD Tiếng Anh	2002	x	22		2	
59.	Trần Thị Vân Anh	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	2008	x	16		2	
60.	Nguyễn Lê Hoài Thu	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2016	Tiếng Anh	2005	x	19		1	
61.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2013	Tiếng Anh	2010	x	14		1	
62.	Lưu Ngọc Bảo	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2012	Tiếng Anh	1999	x	23		1	
63.	Lê Thái Bình	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2013	Tiếng Anh	2007	x	17		1	
64.	Hoàng Thị Chung	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Tiếng Anh	2007	x	17		1	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
65.	Nguyễn Thị Lương Giang	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	2010	x	14		1	
66.	Nguyễn Thị Lành	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	1999	x	25		1	
67.	Nguyễn Thị Liên	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	2005	x	19		1	
68.	Trần Giang Nam	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	2010	x	14		1	
69.	Phạm Xuân Sơn	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	1999	x	25		1	
70.	Dương Thị Linh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Tâm lý học	1999	x	25		2	
71.	Trần Thị Mỹ Linh	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2021	Tâm lý học	2022	x	2		1	
72.	Dương Thị Thanh Thanh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2010	Tâm lý học	1999	x	23		3	
73.	Trần Hằng Ly	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Tâm lý học	2012	x	12		2	
74.	Nguyễn Văn Trung	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2009	Chính trị học	1999	x	25		3	
75.	Trần Thị Hạnh	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Chính trị học	2010	x	14		1	
76.	Dương Thị Mai Hoa	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Chính trị học	2010	x	14		1	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
77.	Trần Cao Nguyên	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Chính trị học	2000	x	24		1	
78.	Hoàng Thị Hải Yến	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Lịch sử Việt Nam	2010	x	14		1	
79.	Lê Thế Cường	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Lịch sử Việt Nam	2000	x	24		3	
80.	Nguyễn Văn Tuấn	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Lịch sử Việt Nam	2002	x	22		2	
81.	Tôn Nữ Hải Yến	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2015	Lịch sử Việt Nam	2008	x	16		3	
82.	Đặng Như Thường	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Lịch sử Việt Nam	2005	x	19		3	
83.	Nguyễn Mạnh Hồng	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Lịch sử Việt Nam	2010	x	14		3	
84.	Dương Thị Thanh Hải	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Văn học	1999	x	23		3	
85.	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Văn học	2007	x	17	1	3	
86.	Hồ Thị Vân Anh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Văn học	2007	x	17		3	
87.	Hoàng Trọng	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Văn học	2000	x	24		3	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
	Canh										
88.	Trịnh Thị Mai	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Văn học	2002	x	22		2	
89.	Lê Thị Sao Chi	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Văn học	2005	x	19		2	
90.	Nguyễn Thị Khánh Chi	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Văn học	2009	x	15		2	
91.	Nguyễn Thị Thúy Vinh	Việt Nam	Giảng viên chính (hạng II)	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Kinh tế						
92.	Nguyễn Thị Bích Liên	Việt Nam	Giảng viên (hạng III)	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Kinh tế						
93.	Nguyễn Thị Minh Phượng	Việt Nam	PGS, Giảng viên cao cấp (hạng I)	PGS, Tiến sĩ, 2013, Việt Nam	Kinh tế						
94.	Trần Thị Hồng Lam	Việt Nam	Giảng viên (hạng III)	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Kinh tế						

Phụ lục 2

Thống kê nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên chương trình đào tạo Ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước, cấp Trường Đại học Vinh

STT	Tên nhiệm vụ/ Mã số	Đề tài cấp	Chủ trì	Thời gian thực hiện
1.	Đổi mới phương pháp giảng dạy học phần Luật lao động theo đào tạo tín chỉ,	Trường Đại học Vinh	TS. Phạm Thị Huyền Sang	2010
2.	Hoàn thiện các biện pháp xử lý hành chính khác nhằm nâng cao dân chủ và quyền con người	Trường Đại học Vinh	TS. Nguyễn Thị Hà	2010
3.	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp hộ tịch - từ thực tiễn huyện Con Cuông - Tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Vinh	TS. Đinh Văn Liêm	2011
4.	Xử lý hợp đồng vô hiệu theo pháp luật dân sự Việt Nam từ thực tiễn tại tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Vinh	TS. Nguyễn Thị Thanh	2012
5.	Thực trạng áp dụng các quy định về giám trừ gia cảnh ở Nghệ An	Trường Đại học Vinh	TS. Hồ Thị Duyên	2013
6.	Thực hiện pháp luật BHXH tự nguyện tại địa bàn huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Vinh	TS. Hồ Thị Hải	2013
7.	Thực trạng bồi thường giải phóng mặt bằng khi thực hiện các dự án kinh tế ở thành phố Vinh, Nghệ An	Trường Đại học Vinh	TS. Lê Hồng Hạnh	2013
8.	Thực trạng và giải pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với tên thương mại của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Vinh	TS. Phạm Thị Thuý Liễu	2014
9.	Chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên từ thực tiễn thực hiện tại Trường Đại học Vinh	Trường Đại học Vinh	TS. Nguyễn Văn Đại	2014

STT	Tên nhiệm vụ/ Mã số	Đề tài cấp	Chủ trì	Thời gian thực hiện
10.	<i>Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp dưới góc độ bảo vệ quyền của người lao động (qua khảo sát một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An)</i>	Trường Đại học Vinh	TS. Phạm Thị Huyền Sang	2014
11.	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Vinh	TS. Đinh Văn Liêm	2015
12.	Hoạt động áp dụng biện pháp phòng ngừa hành chính trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Vinh	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	2016
13.	Pháp luật về hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh, nhìn từ thực tiễn thành phố Vinh	Trường Đại học Vinh	TS. Hồ Thị Duyên	2016
14.	Xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế theo tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Hồ Thị Duyên	2016
15.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần tự chọn 1 (Khoa học xã hội nhân văn và pháp luật): Pháp luật đại cương tiếp cận CDIO.	Trường Đại học Vinh	TS. Phạm Thị Thuý Liễu	2017
16.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Lý luận về Nhà nước và pháp luật tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Nguyễn Văn Đại	2017
17.	Giải pháp nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp dưới góc độ bảo vệ quyền của người lao động	Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	TS. Phạm Thị Huyền Sang	2017
18.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá học phần Tự chọn 1(Khoa học xã hội nhân văn và pháp luật): Pháp luật đại cương tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Ngô Thị Thu Hoài	2018

STT	Tên nhiệm vụ/ Mã số	Đề tài cấp	Chủ trì	Thời gian thực hiện
19.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Nguyễn Thị Thuỳ Dung	2018
20.	Trợ giúp pháp lý cho người nghèo thuộc vùng 30a ở các tỉnh Bắc Trung bộ; Thực trạng và giải pháp	Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	TS. Đinh Ngọc Thắng	2019
21.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Luật hành chính - nhà nước theo tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Tăng Thị Thanh Sang	2019
22.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Luật dân sự theo tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Phạm Thị Thúy Liễu	2019
23.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức kỹ năng ngành Luật học theo tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Đinh Văn Liêm	2019
24.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Luật hình sự theo tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Lưu Hoài Bảo	2019
25.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Luật kinh tế - quốc tế theo tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Phạm Thị Huyền Sang	2020
26.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Chuyên ngành Luật kinh tế theo tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	ThS. Trần Thị Vân Trà	2020

STT	Tên nhiệm vụ/ Mã số	Đề tài cấp	Chủ trì	Thời gian thực hiện
27.	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Kỹ năng ngành luật kinh tế theo tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Hồ Thị Duyên	2020
28.	Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Luật học theo tiếp cận CDIO	Trường Đại học Vinh	TS. Đinh Văn Liêm	2022
29.	“Nghiên cứu rà soát cập nhật CTĐT ngành Luật Kinh tế theo tiếp cận CDIO”	Trường Đại học Vinh	TS. Phạm Thị Huyền Sang	2022
30.	<i>Đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp phòng, chống tảo hôn cho đồng bào dân tộc thiểu ở các huyện Miền Tây, tỉnh Nghệ An</i>	Cấp tỉnh	TS. Nguyễn Văn Đại	2023-2024

Các công bố khoa học trên các tạp chí nước ngoài

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số xuất bản Volume (Issue/Number)	Năm xuất bản	Tên tác giả
1.	Cơ chế đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ quyền tự do của con người ở Việt Nam và ở Kazakhstan	VENIK/Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Kazakhstan		2015	TS. Nguyễn Văn Dũng
2.	Bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của con người trong hiến pháp phù hợp với pháp luật quốc tế	Tạp chí Pháp luật thực hành FEMIDA/ZAN		2015	TS. Nguyễn Văn Dũng
3.	<i>The relationship between corporate social responsibility and corporate governance</i>	International Journal of Humanities and Social Sciences,	Volume 5, No.11	2016	TS. Phạm Thị Huyền Sang

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số xuất bản Volume (Issue/Number)	Năm xuất bản	Tên tác giả
4.	Xây dựng nhà nước pháp quyền - Nền tảng bảo đảm quyền con người ở Việt Nam: Một số vấn đề cần bàn	Tạp chí Đại học Kazakhstan/ Khoa học giáo dục/Kazakhstan		2018	TS. Nguyễn Văn Dũng
5.	Vai trò của Luật sư đối với vấn đề bảo vệ quyền con người ở Việt Nam	Tạp chí Đại học Kazakhstan/ Khoa học giáo dục/Kazakhstan		2018	TS. Nguyễn Văn Dũng
6.	“Corporate criminal liability on environmental crimes in Việt Nam”	Corporate Criminal liability, E3S Web of Conferences 203, 03014 (2020)		2020	Đinh Thị Mai; Đinh Ngọc Thắng; Bùi Phương Quỳnh; Nguyễn Anh Đức
7.	Impacts of corporate social responsibility toward employees on employee motivation in enterprises: A case study in Vietnam	Management Science Letters	Vol 10 Issue 11, Pg 2543-2552	2020	Phạm Thị Huyền Sang Nguyen Thi Minh Phuong, Nguyen Van Song, Tran Quang Bach
8.	Livelihood Capital And Poverty Of The Regional People. Depending On Forestry: Experimental Research In Vietnam	LAP LAMBERT academic publishing		2020	Phạm Thị Huyền Sang, Nguyen Van Song, Nguyen Thi Minh Phuong, Tran Thi Hoang Mai, Nguyen Thi Hai Yen

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số xuất bản Volume (Issue/Number)	Năm xuất bản	Tên tác giả
9.	Private Economy Development in Vietnam: Strengthening Corporate Competitiveness through Corporate Social Responsibility performance	E3S Web of Conferences	(Vol. 210, p. 13015), EDP Sciences, 2020. (Scopus Q3);	2020	Phạm Thị Huyền Sang, Võ Thành Đạt
10.	The Impact of Collective Bargaining on the Income of Employees: An Empirical Study in Vietnam	The Journal of Asian Finance, Economics and Business	8.5 (2021): 873-884. (Scopus Q2)	2020	Phạm Thị Huyền Sang, Đỗ Thị Tươi
11.	Right to a fair trial in criminal and some solutions to ensure the right to a fair proceedings trial in Vietnam today	International Journal of Law www.lawjournals.org	volume 7 issue 2	2021	Nguyễn Văn Dũng
12.	The equal rights of the accused persons of the court and shall be judged by the independent court, no bias, public disclosure of law and practice in Vietnam	International Journal of Law www.lawjournals.org	volume 7 issue 2	2021	Nguyễn Văn Dũng; Đinh Ngọc Thắng

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số xuất bản Volume (Issue/Number)	Năm xuất bản	Tên tác giả
13.	Обеспечение принципа судебного разбирательства в уголовном производстве Вьетнама	ХАБАРИШЫ «Юриспруденция» сериясы Серия «Юриспруденция» Series «Jurisprudence»	№3(65), 2021	2021	Nguyễn Văn Dũng
14.	Вьетнам с вопросами обеспечения прав человека	ХАБАРИШЫ «Юриспруденция» сериясы Серия «Юриспруденция» Series «Jurisprudence»	№3(65),2021.	2021	Nguyễn Văn Dũng
15.	Some models of constitutional review in the world and suggestions of new model of constitutional review in Vietnam	Domestic jurisprudence	№ 2 (46), 2021 tr.5-11	2021	Đinh Văn Liêm
16.	Prostitution-Related crimes in Vietnam: Current situation, causes and solutions	European Journal of Humanities and Social Sciences	№ 2, 2021	2021	Đặng Thị Phương Linh
17.	Some issues on prevention of the prostitution crimes in Vietnam from the perspective of criminology	European Journal of Law and Political Science	№ 2, 2021	2021	Đặng Thị Phương Linh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số xuất bản Volume (Issue/Number)	Năm xuất bản	Tên tác giả
18.	Guaranteeing of children's rights in family culture in Vietnam	Humanitarian scientific bulletin.	2021. №5. Pp. 189-198.	2021	Nguyễn Văn Đại
19.	Good Governance as a Premise for Crisis Governance: An Analysis from Vietnam's Current Efforts to Cope with the Covid-19 Pandemic	Journal of Legal, Ethical and Regulatory	Issues 25(3)	2021	Nguyễn Văn Quân; Đinh Ngọc Thắng; Vũ Công Giao; Vũ Thành Cư
20.	Ensure principles of Litigation- Practice application in the trial of criminal cases in Vietnam	International Journal of Law/Guta/Australia		2023	Nguyễn Văn Dũng
21.	Entrepreneurship Education in Vietnamese Universities: Multi-Dimensional Approach From Economic Law and Human Rights	Journal of Higher Education Theory and Practice	Vol23 No6	2023	Phạm Thị Huyền Sang
22.	Corporate social responsibility on environmental protection law: A Vietnamese perspective	Central European Management Journal	Vol. 31 Iss.2	2023	Phạm Thị Huyền Sang

Danh mục Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo đã công bố

Giáo trình				
STT	Tên giáo trình	Chủ biên/ tác giả	Nhà xuất bản	Năm
1.	Giáo trình Tư pháp quốc tế	Lê Thị Hoài Ân	ĐH Vinh	2017
2.	Giáo trình Luật Dân sự	Phạm Thị Thúy Liễu	ĐH Vinh	2017
3.	Giáo trình Kỹ năng tư vấn thủ tục thành lập và quản trị doanh nghiệp	Phạm Thị Huyền Sang	ĐH Vinh	2017
4.	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	Đinh Ngọc Thắng	ĐH Vinh	2017
5.	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới	Tăng Thị Thanh Sang	ĐH Vinh	2018
6.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình	TS. Phạm Thị Thúy Liễu	ĐH Quốc gia Hà Nội	2018
7.	Giáo trình Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	Nguyễn Thị Bích Ngọc	ĐH Vinh	2019
8.	Giáo trình Luật hình sự Việt Nam	Lưu Hoài Bảo	ĐH Vinh	2019
9.	Giáo trình Một số vận động và biến đổi của Nhà nước và pháp luật đương đại	Đinh Ngọc Thắng	ĐH Vinh	2020
10.	Giáo trình Pháp luật và sự phát triển bền vững	Nguyễn Văn Đại	ĐH Vinh	2021
11.	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	Đinh Văn Liêm	ĐH Vinh	2021
12.	Giáo trình Luật Kinh tế	Phạm Thị Huyền Sang	Đại học Vinh	2023
13.	Giáo trình Luật tố tụng hình sự	Nguyễn Văn Dũng	Đại học Vinh	2023
Sách chuyên khảo, sách tham khảo				
STT	Tên sách	Chủ biên/ tác giả	Nhà xuất bản	Năm
1.	Phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học	PGS.TS Đoàn Minh Duệ TS. Đinh Ngọc Thắng	Nxb Chính trị Quốc gia.	2017

2.	Quyền con người qua 5 năm thực hiện Hiến pháp năm 2013	TS. Đinh Ngọc Thắng	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2017
3.	Cơ chế bảo đảm thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Kinh nghiệm các nước và giải pháp cho Việt Nam	TS. Phạm Thị Huyền Sang	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2017
4.	Chủ quyền quốc gia trong quá trình hội nhập của Liên minh Châu Âu	PGS.TS. Đặng Minh Đức, TS. Đinh Ngọc Thắng	Nxb Khoa học xã hội.	2017
5.	Phát triển khoa học và công nghệ và quyền con người	GS.TS Võ Khánh Vinh, TS. Đinh Ngọc Thắng (đồng chủ biên)	Nxb Khoa học xã hội	2018
6.	Trợ giúp pháp lý cho người nghèo	TS. Đinh Ngọc Thắng	Nxb Đại học Vinh	2018
7.	Lý luận và thực tiễn biện pháp phòng ngừa hành chính theo pháp luật Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật.	2019
8.	Một số vấn đề lý luận về bảo đảm quyền con người trong thi hành án phạt tù, Sách chuyên khảo “Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng”, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, tr.227-235;2018	TS. Phạm Thị Huyền Sang	Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội	2019
9.	Sách Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng	PGS.TS Vũ Công Giao, TS. Đinh Ngọc Thắng (đồng chủ biên)	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội	2019
10.	Phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính quyền trung ương và chính quyền địa phương ở Việt Nam	TS. Nguyễn Văn Đại	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội	2020

11.	Giải thích hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam - Nghiên cứu so sánh	TS. Hà Thị Thúy	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội;	2020
12.	Dịch vụ công, một số vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn	Nguyễn Thị Hà	Nhà xuất bản tư pháp	2020
13.	Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá ở Việt Nam	Hồ Thị Nga	Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật	2020
14.	Tổ chức và hoạt động chính quyền thành phố thuộc tỉnh ở Việt Nam	TS. Đinh Văn Liêm	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2021
15.	Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã ở Việt Nam hiện nay	TS. Nguyễn Văn Đại	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội	2021
16.	Pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em và phòng, chống bạo lực trẻ em	TS. Phạm Thị Huyền Sang	NXB Đại học Vinh	2021
17.	Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ở Việt Nam	Nguyễn Thị Hà	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2021
18.	Khiếu nại, khởi kiện và giải quyết tranh chấp hành chính	Nguyễn Thị Hà	NXB Đại học Vinh	2021
19.	Hình thức của các nhà nước hiện đại.	GS.TS. Nguyễn Đăng Dung. TS. Đinh Văn Liêm	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội	2021.
20.	Pháp luật về bảo vệ môi trường: Phổ biến giáo dục pháp luật và khuyến nghị chính sách	TS. Đinh Ngọc Thắng	NXB Đại học Vinh	2021
21.	Phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho đồng bào các dân tộc thiểu số phía tây tỉnh Nghệ An	TS. Hà Thị Thúy	NXB Đại học Vinh	2021
22.	Bảo đảm quyền trẻ em: Công ước của Liên hợp quốc và pháp luật Việt Nam	TS. Đinh Ngọc Thắng, TS. Hà Thị Thúy (đồng chủ biên)	NXB Đại học Vinh	2024

Công bố khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
1.	Một số ý kiến về cán bộ tư pháp cấp xã	Tạp chí nhà nước và pháp luật		2010	TS. Đinh Văn Liêm
2.	Một số vấn đề về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật		2010	TS. Nguyễn Thị Thanh
3.	<i>Tội phạm ẩn về ma túy - Góc khuất của tầng băng chìm</i>	Tạp chí Thanh tra chính phủ		2011	TS. Bùi Thị Phương Quỳnh
4.	Xử lý hậu quả hợp đồng dân sự vô hiệu theo Bộ luật dân sự Việt Nam	Tạp chí Nghiên cứu lập pháp		2011	TS. Nguyễn Thị Thanh
5.	Một số ý kiến về Xây dựng mô hình bảo hiến	Tạp chí Thanh tra		2012	TS. Đinh Văn Liêm
6.	hủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác cần đảm bảo tính dân chủ, quyền con người	Tạp chí Thanh tra		2012	TS. Nguyễn Thị Hà
7.	Góp ý sửa đổi Hiến pháp 2013 về chính quyền địa phương	Tạp chí Thanh tra		2013	TS. Đinh Văn Liêm
8.	Một vài ý kiến đóng góp cho dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992	Tạp chí Thanh tra		2013	TS. Nguyễn Thị Hà
9.	<i>Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm mua bán trái phép</i>	Tạp chí Cảnh sát phòng chống tội phạm	37	2013	TS. Bùi Thị Phương Quỳnh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
	<i>chất ma túy do người nước ngoài gây ra trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>				
10.	<i>Mối liên hệ giữa quản trị công ty và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp</i>	Tạp chí Kinh Tế Châu Á - Thái Bình Dương	403	2013	TS. Phạm Thị Huyền Sang
11.	Cần hoàn thiện pháp luật về cấp tín dụng đối với sinh viên đại học, học sinh học nghề có hoàn cảnh khó khăn	Tạp chí Kiểm sát	16 (7/2014)	2014	TS. Nguyễn Văn Đại
12.	Một số ý kiến về chương IX về chính quyền địa phương	Tạp chí kiểm sát		2014	TS. Đinh Văn Liêm
13.	Vai trò của tên thương mại đối với doanh nghiệp	Tạp chí Thanh tra		2014	TS. Phạm Thị Thuý Liễu
14.	<i>Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp dưới góc độ bảo vệ quyền của người lao động trong doanh nghiệp</i>	Tạp chí Thanh tra	10/2014	2014	TS. Phạm Thị Huyền Sang
15.	Mô hình chính quyền địa phương trên thế giới và những gợi ý cho Việt Nam	Tạp chí nghiên cứu Châu Âu		2015	TS. Đinh Văn Liêm
16.	Trung cầu dân ý - lịch sử và xu hướng phát triển ở các nước châu Âu	Nghiên cứu Châu Âu		2015	TS. Hồ Thị Nga

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
17.	Hoàn thiện pháp luật bảo hộ tên thương mại ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật	10/2015	2015	TS. Phạm Thị Thuý Liễu
18.	<i>Tăng cường thanh tra, giám sát đối với việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp</i>	Tạp chí Thanh tra	08/2015	2015	TS. Phạm Thị Huyền Sang
19.	<i>Một số vấn đề lý luận về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay</i>	Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội	11(30)/2015	2015	TS. Phạm Thị Huyền Sang
20.	<i>Tăng cường vai trò của các tổ chức phi Nhà nước trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở Việt Nam</i>	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật		2015	TS. Phạm Thị Huyền Sang
21.	Bàn về chế định giải thích hợp đồng trong Dự thảo BLDS (sửa đổi)	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật	3 (323)	2015	TS. Hà Thị Thuý
22.	Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về kiểm soát giao dịch trực lợi	Tạp chí Kinh tế và Dự báo		2015	TS. Phan Nữ Hiền Oanh
23.	Tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với việc xác định lỗi ở các tội phạm về ma túy	Tạp chí Kiểm sát		2015	TS. Đặng Thị Phương Linh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
24.	<i>Một số bất cập và hướng hoàn thiện các biện pháp khôi phục hành chính</i>	Tạp chí Thanh tra		2015	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc
25.	<i>Cần đặt ra ranh giới áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính nhằm đảm bảo quyền con người, quyền công dân</i>	Tạp chí Pháp lý		2015	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc
26.	<i>Luận bàn về các biện pháp phòng ngừa hành chính</i>	Tạp chí Dân chủ & Pháp luật		2016	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc
27.	Cải cách hành chính nhằm thúc đẩy nhanh quá trình phân cấp, phân quyền và tự quản địa phương ở Nhật Bản - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội	Số 2/2016	2016	TS. Nguyễn Văn Đại
28.	Thúc đẩy minh bạch, quản trị tốt và chống tham nhũng của nền hành chính trong bối cảnh Hiệp định TPP sắp có hiệu lực	Tạp chí Pháp luật và phát triển	3+4/2016	2016	TS. Nguyễn Văn Đại
29.	Bầu cử - một hình thức thực hiện quyền lực nhà nước	Tạp chí kiểm sát		2016	TS. Đinh Văn Liêm
30.	Chính quyền địa phương một số nước ASeAN	Tạp chí nghề Luật		2016	TS. Đinh Văn Liêm

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
31.	Bàn về quyết định hành chính - đối tượng xét xử của vụ án hành chính	Tạp chí Kiểm sát	8/2016,	2016	TS. Nguyễn Thị Hà
32.	<i>Pháp luật về tội phạm ma túy và thực tiễn</i>	Tạp chí Tòa án nhân dân	13+14	2016	TS. Bùi Thị Phương Quỳnh
33.	Bàn về quyền đối với bất động sản liên kê theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015	Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội		2016	TS. Đặng Thị Phương Linh
34.	<i>Tội phạm cấu thành hình thức trong bộ luật hình sự</i>	Tạp chí Tòa án nhân dân	10	2016	TS. Bùi Thị Phương Quỳnh
35.	<i>Nâng cao hiệu quả xét xử tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật	292	2016	TS. Bùi Thị Phương Quỳnh
36.	<i>Một số giải pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>	Tạp chí Kiểm sát	22	2016	TS. Bùi Thị Phương Quỳnh
37.	Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật		2016	TS. Nguyễn Thị Thanh
38.	<i>Vai trò của Nhà nước trong việc thúc đẩy thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp</i>	Tạp chí Thanh tra	01/2016	2016	TS. Phạm Thị Huyền Sang
39.	<i>Cơ chế bảo đảm thực hiện trách nhiệm xã</i>	Tạp chí Dân chủ và Pháp	01 (286)	2016	TS. Phạm Thị Huyền Sang

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
	<i>hội của doanh nghiệp ở Việt Nam</i>	luật			
40.	Một số ý kiến tổ chức và hoạt động của chính quyền thành phố thuộc tỉnh ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Giáo dục và xã hội		2017	TS. Đinh Văn Liêm
41.	Một số phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Trường Đại học Vinh	Tạp chí Giáo dục và xã hội		2017	TS. Đinh Văn Liêm
42.	Quyền hưởng thụ các giá trị văn hoá theo pháp luật ở Việt Nam	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật		2017	TS. Hồ Thị Nga
43.	Pháp luật về quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá ở Việt Nam	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật		2017	TS. Hồ Thị Nga
44.	Quyền sử dụng và tiếp cận ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội		2017	TS. Hồ Thị Nga
45.	Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm là giáo trình	Tạp chí Thiết bị giáo dục		2017	TS. Phạm Thị Thuý Liễu
46.	Biện pháp ngăn chặn hành chính trong Luật hành chính Việt Nam	Tạp chí Tòa án nhân dân		2017	Nguyễn Thị Thùy Dung
47.	Tội phạm cấu thành hình thức trong bộ luật hình sự	Tạp chí Tòa án nhân dân		2017	Bùi Thị Phương Quỳnh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
48.	Nâng cao hiệu quả xét xử tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Tạp chí Tòa án nhân dân		2017	Bùi Thị Phương Quỳnh
49.	Nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm ma túy trong tiến trình hội nhập quốc tế	Tạp chí Tòa án nhân dân		2017	Bùi Thị Phương Quỳnh
50.	Một số giải pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Tạp chí lao động xã hội		2017	Bùi Thị Phương Quỳnh
51.	Phân cấp quản lý nhà nước về cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội		2017	Nguyễn Văn Đại
52.	Phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư công ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí pháp luật và phát triển.		2017	Nguyễn Văn Đại
53.	Một số ý kiến về kiểm soát phân cấp quản lý hành chính nhà nước bằng quyền lực tư pháp ở Việt Nam	Tạp chí Tòa án nhân dân		2017	Nguyễn Văn Đại
54.	Một số mô hình phân cấp, phân quyền ở các nước Châu Âu và gợi mở cho Việt Nam	Tạp chí nghiên cứu Châu Âu		2017	Nguyễn Văn Đại
55.	Hoàn thiện môi trường pháp lý đảm bảo quyền tự do cạnh tranh của doanh nghiệp	Tạp chí Tòa án nhân dân	số 09/2019	2017	Phan Nữ Hiền Oanh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
56.	Các học thuyết giải thích hợp đồng trên thế giới và việc vận dụng vào chế định giải thích hợp đồng ở Việt Nam	Tạp chí Dân chủ và Pháp Luật	số 6/2017	2017	Hà Thị Thúy
57.	Giải thích hợp đồng theo mẫu, Điều kiện giao dịch chung - Một số điểm bất cập và giải pháp hoàn thiện	Tạp chí Luật học	số 10/2017	2017	Hà Thị Thúy
58.	Án lệ - Một số vấn đề về giải thích pháp luật ở Việt Nam	Tạp chí Tòa án nhân dân		2017	Nguyễn Thị Mai Trang
59.	Quyền con người trong tố tụng hình sự	Tạp chí Tòa án nhân dân	số 04/2017	2017	Nguyễn Thị Thanh Trâm
60.	Định danh biện pháp phòng ngừa hành chính qua tìm hiểu bản chất và phân loại các biện pháp phòng ngừa hành chính	Tạp chí nhân lực khoa học xã hội	số 08/2017	2017	Nguyễn Thị Bích Ngọc
61.	Quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa theo pháp luật Việt Nam	Tạp chí dân chủ pháp luật	số 06/2017	2017	Hồ Thị Nga
62.	Quyền sử dụng và tiếp cận ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội	số 06/2017	2017	Hồ Thị Nga
63.	Bàn về quyền đối với bất động sản liên kết theo quy định của Bộ luật dân sự 2015	Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội		2017	Chu Thị Trinh, Đặng Thị Phương Linh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
64.	Bàn về một số giải pháp nâng cao hiệu quả phiên tòa sơ thẩm trong tổ tụng hành chính Việt Nam	Tạp chí Tòa án nhân dân	số 06/2017	2017	Nguyễn Thị Hà
65.	Thủ tục rút gọn trong xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ở Việt Nam theo quy định Luật tổ tụng hành chính 2015	Tạp chí kiểm sát	số 05/2017	2017	Nguyễn Thị Hà
66.	Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án Hành chính ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật	số 04/2017	2017	Nguyễn Thị Hà
67.	Bàn về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Pháp Luật và phát triển	số 04/2017	2017	Nguyễn Thị Hà
68.	Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hành chính của tòa án nhân dân theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015	Tạp chí Nghề Luật	số 03/2017	2017	Nguyễn Thị Hà
69.	Quyền hạn của hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính theo quy định Luật tổ tụng hành chính năm 2015	Tạp chí Tòa án nhân dân	quyển số 12/2017 tr.16-20	2017	Nguyễn Thị Hà

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
70.	Nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm vụ án hành chính	Tạp chí Nghiên cứu lập pháp		2017	Nguyễn Thị Hà
71.	Bảo đảm tính độc lập của tòa án trong xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ở Việt Nam	Tạp chí Thanh tra		2017	Nguyễn Thị Hà
72.	Thực trạng pháp luật về giám sát ngân sách nhà nước của nhân dân và một số giải pháp hoàn thiện	Tạp chí Tòa án nhân dân		2017	Hồ Thị Hải
73.	Bản chất pháp lý của quyền sử dụng đất trong pháp luật Việt Nam	Tạp chí Dân chủ và Pháp Luật	số 08/2017	2017	Lê Hồng Hạnh
74.	Xây dựng nội dung chương trình giảng dạy pháp luật về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công vào các dự án	Tạp chí Nghề Luật	số 05/2017	2017	Nguyễn Mai Ly, Nguyễn Minh Hằng
75.	Pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Tạp chí Công thương	0866 - 7756	2018	Nguyễn Thị Phương Thảo
76.	Bình luận về chế định giải thích hợp đồng trong Bộ luật Dân sự 2015	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật	số 01/2018	2018	Hà Thị Thúy
77.	Các yếu tố tác động đến pháp luật phong kiến Việt Nam về quyền con người	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật	số 10/2018	2018	Ngô Thị Thu Hoài

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
78.	Phân cấp thẩm quyền xét xử trong quốc triều khám tụng điều lệ với việc bảo vệ quyền con người	Tạp chí dân chủ và pháp luật	số 02/2018	2018	Ngô Thị Thu Hoài
79.	Sử dụng có hiệu quả công cụ quản lý nhà nước trong bồi thường khi thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội	Tạp chí Giáo dục và Xã hội		2018	Hồ Trọng Hữu, Trịnh Vương An
80.	Phản biện xã hội góp phần xây dựng và hoàn thiện pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em	Tạp chí Giáo dục và Xã hội	số 09/2018	2018	Hồ Trọng Hữu; Cao Thị Ngọc Yến
81.	Các tội phạm về mại dâm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015	Tạp chí Công Thương		2018	Đặng Thị Phương Linh
82.	Những điểm mới trong các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội phạm về mại dâm và hướng hoàn thiện	Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội		2018	Đặng Thị Phương Linh
83.	Nhận diện hoạt động góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu trí tuệ	Tạp chí dân chủ và pháp luật	số 11/2018	2018	Nguyễn Thị Phương Thảo

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
84.	Một số vướng mắc về hợp đồng đào tạo nghề được quy định trong pháp luật lao động và kiến nghị hoàn thiện	Tạp chí Công thương		2018	Nguyễn Thị Thanh Trâm
85.	Khái niệm đại diện và phân loại hình thức đại diện theo pháp luật một số nước trên thế giới	Tạp chí dân chủ pháp luật		2018	Nguyễn Thị Thanh
86.	Quản trị nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa	Tạp chí nghiên cứu Châu Âu	số 11/2018	2018	Đinh Ngọc Thắng
87.	Tư tưởng về chủ nghĩa hợp hiến thời cổ đại và trung đại	Tạp chí Luật học/ Trường ĐH Luật Hà Nội	số 04/2018	2018	Đinh Ngọc Thắng
88.	Chủ quyền quốc gia trong quá trình hội nhập của Liên minh Châu Âu	Tạp chí Khoa học xã hội		2019	Đinh Ngọc Thắng
89.	Hoàn thiện toàn diện pháp luật bảo hiểm xã hội hướng tới đảm bảo hiệu quả an sinh xã hội	Tạp chí Pháp luật và phát triển	số tháng 9/2019	2019	Hồ Thị Duyên
90.	Hoàn Thiện pháp luật về chi trả Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí dân chủ pháp luật	số tháng 12/2019	2019	Hồ Thị Duyên
91.	Thực trạng và giải pháp quản lý thời gian của sinh viên Trường	Tạp chí Giáo dục và Xã hội		2019	Nguyễn Thị Bích Ngọc

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
	Đại học Vinh trong bối cảnh đào tạo tiếp cận CDIO, 2019				
92.	Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính	Tạp chí dân chủ pháp luật		2019	Nguyễn Thị Thùy Dung
93.	Bàn về khái niệm “Biện pháp ngăn chặn hành chính”	Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội		2019	Nguyễn Thị Thùy Dung
94.	Vai trò của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Dân chủ và pháp luật		2019	Hồ Thị Hải
95.	Đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về quy trình giám sát doanh nghiệp nhà nước với các khuyến nghị của OECD và một số đề xuất	Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu		2019	Hồ Thị Duyên, Hồ Thị Hải
96.	Thẩm quyền giám sát vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo pháp luật Việt Nam	Tạp chí Công thương		2019	Hồ Thị Hải
97.	Giao đất xây dựng nhà ở thương mại - Một số bất cập về căn cứ giao đất, điều kiện giao đất	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật.	số 03/2019	2019	Lê Hồng Hạnh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
98.	Các phương thức giao đất để đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của Pháp Luật Việt Nam	Tạp chí Tòa án nhân dân	số 23/2019	2019	Lê Hồng Hạnh
99.	Nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội theo Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015	Tạp chí Giáo dục và Xã hội	Số 11/2019	2019	Hồ Trọng Hữu
100.	Quyền sống trong pháp luật phong kiến Việt Nam	Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội	số 05/2019	2019	Ngô Thị Thu Hoài
101.	Vận dụng các nguyên tắc IRC vào việc hoàn thiện pháp luật về bảo toàn tài sản doanh nghiệp mất khả năng thanh toán	Tạp chí Pháp luật và phát triển	số 07 + 08 /2019	2019	Phan Nữ Hiền Oanh
102.	Xác định bị đơn trong trường hợp người chưa thành niên gây ra thiệt hại	Tạp chí Công thương	số 14/2019	2019	Ngũ Thị Như Hoa, Nguyễn Thị Phương Thảo
103.	Áp dụng án lệ trong xét xử các vụ án dân sự, từ thực tiễn của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,	Tạp chí Tòa án nhân dân Điện tử		2019	Nguyễn Văn Đại
104.	Rủi ro pháp lý đối với góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu trí tuệ và giải pháp phòng ngừa	Tạp chí Dân chủ và Pháp Luật	số 01/2019	2019	Nguyễn Thị Phương Thảo

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
105.	Quy định về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và giải pháp hoàn thiện	Tạp chí dân chủ và pháp luật	số 02/2019	2019	Trần Thị Vân Trà
106.	Trách nhiệm hình sự do vi phạm pháp luật về kiểm dịch động, thực vật	Tạp chí Tòa án nhân dân	số 05/2019	2019	Trần Thị Vân Trà
107.	Bàn về khái niệm quyền con người trong thi hành án phạt tù	Tạp chí nhân lực khoa học xã hội		2019	Nguyễn Thị Thanh Trâm
108.	Bảo đảm quyền con người trong thi hành hình phạt tù thông qua hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát	Tạp chí Công thương		2019	Nguyễn Thị Thanh Trâm
109.	Ảnh hưởng của phương tiện truyền thông đại chúng trong kiểm soát quyền lực Nhà nước ở Việt Nam	Tạp chí Công thương	số 01/2020	2020	Cao Thị Ngọc Yến
110.	Chế độ lao động, học nghề của phạm nhân theo pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam hiện nay	Tạp chí Dân chủ và pháp luật		2020	Nguyễn Thị Thanh Trâm
111.	Xử lý hợp đồng đang có hiệu lực của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán theo pháp luật phá sản	Tạp chí Dân chủ & Pháp luật	số 02/2020	2020	Phan Nữ Hiền Oanh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
112.	Quyền tự do ngôn luận - Một số vấn đề cần quan tâm về hành vi vi phạm an ninh mạng trong thời gian dịch bệnh Covid - 19	Tạp chí công thương		2020	Nguyễn Thị Mai Trang
113.	Bảo đảm quyền của bị can chưa thành niên trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	Tạp chí công thương	số 12 - tháng 05/2020	2020	Bùi Hạnh Phúc
114.	Đánh giá và đề xuất diễn giải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về giao kết, thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng	Tạp chí Nhà nước và pháp luật		2020	Hà Thị Thúy
115.	Tư duy đào tạo cử nhân luật: Thực trạng và tiếp tục đổi mới	Tạp chí khoa học - Trường Đại học Vinh		2020	Nguyễn Văn Đại
116.	Mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời Chủ tịch UBND cấp xã, từ thực tiễn tỉnh An Giang	Tạp chí Giáo dục và xã hội	Số đặc biệt, 4/2020	2020	Nguyễn Văn Đại
117.	Quản lý nhà nước đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo động lực phát triển kinh tế tư nhân: Từ thực tiễn TP Hồ Chí Minh	Tạp chí Công thương	Số 9, 5/2020	2020	Nguyễn Văn Đại
118.	Bảo đảm quyền trẻ em trong thiết chế văn hóa gia đình ở Việt Nam	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh	Tập 49-4B/2020	2020	Nguyễn Văn Đại

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
119.	Mô hình phân cấp, phân quyền ở một số nước châu âu và kinh nghiệm ở Việt Nam	Tạp chí Giáo dục và Xã hội		2020	Đinh Văn Liêm
120.	“Vận dụng tư tưởng Hồ chí minh về giáo dục và phổ biến pháp luật trong tình hình hiện nay”	Tạp chí Giáo dục và Xã hội		2020	Đinh Văn Liêm
121.	Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng hành chính	Tạp chí Tòa án nhân dân	số 02/2020	2020	Nguyễn Thị Hà , Đoàn Minh Trang
122.	Mô hình thừa phát lại một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam	Tạp chí Tòa án nhân dân		2020	Nguyễn Thị Hà , Nguyễn Thị Vân Quỳnh
123.	“Phân cấp quản lý nhà nước giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương”	Tạp chí công thương		2020	Nguyễn Thị Mai Anh, Nguyễn Văn Đại
124.	Đổi mới phương pháp đào tạo cử nhân luật theo hướng tiếp cận năng lực	Tạp chí Khoa học trường Đại học Vinh.	Tập 49/2020	2020	Đinh Ngọc Thắng
125.	Các vấn đề pháp lý liên quan đến xác định giá trị tài sản trí tuệ là tên thương mại của doanh nghiệp	Tạp chí công thương		2021	Phạm Thị Thuý Liễu
126.	Cơ chế bảo hộ thương hiệu của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh		2021	Phạm Thị Thuý Liễu

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
127.	Mô hình chính quyền đô thị ở một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm, giải pháp hoàn thiện chính quyền đô thị ở Việt Nam	Tạp chí nhân lực khoa học xã hội	quyển 7 số tháng 07/2021	2021	Hồ Thị Nga
128.	Bàn về hướng xử lý trong trường hợp không xác định được địa chỉ của bị đơn trong vụ án dân sự	Tạp chí công thương		2021	Ngũ Thị Như Hoa
129.	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thi hành án phạt tù ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí công thương		2021	Nguyễn Thị Thanh Trâm
130.	Tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết yêu cầu doanh nghiệp mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo pháp luật hiện hành	Tạp chí Nhà nước và pháp luật	Số 09 (401)/2021 tr.60-65	2021	Phan Nữ Hiền Oanh
131.	Bàn về án lệ và nguồn quy định tội phạm của pháp luật hình sự Việt Nam.	Tạp chí công thương		2021	Nguyễn Thị Mai Trang
132.	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thi hành án phạt tù ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí công thương	số 11/2021 tr.78-83	2021	Bùi Hạnh Phúc, Nguyễn Thị Thanh Trâm

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
133.	Bàn về các trường hợp Nhà nước thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai	Tạp chí công thương		2021	Nguyễn Thị Phương Thảo
134.	Đặc điểm nhận dạng tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Giáo dục và Xã hội		2021	Hồ Trọng Hữu
135.	Tội phạm đánh bạc trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Một số nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa	Tạp chí Giáo dục và Xã hội		2021	Hồ Trọng Hữu
136.	Một vài ý kiến tăng cường năng lực giảng viên trong việc đào tạo cử nhân luật có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xã hội và thị trường lao động	Tạp chí Công thương	quyển 3 số tháng 02/2021	2021	Nguyễn Thị Hà
137.	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn thông tin và kỹ năng sử dụng mạng xã hội cho học sinh, sinh viên hiện nay	Tạp chí công thương	quyển 9 số tháng 04/2021	2021	Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn Phương

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
138.	Đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trong môi trường mạng xã hội đối với giới trẻ ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Giáo dục và xã hội	số tháng 05/2021; tr.163-167	2021	Nguyễn Thị Hà , Nguyễn Thị Hải, Trương Minh Hoàng
139.	Một số giải pháp đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy Luật hành chính đáp ứng yêu cầu xã hội và bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay	Tạp chí khoa học - Trường Đại học Vinh	quyển 1B số tháng 06/2021 tr.26-31	2021	Nguyễn Thị Hà
140.	Bàn về một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính	Tạp chí công thương	số tháng 07/2021; tr.31-34	2021	Nguyễn Thị Hà
141.	Một số vấn đề về phòng ngừa các tội phạm về mại dâm dưới góc độ tội phạm học	Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội	số 02/2021	2021	Đặng Thị Phương Linh
142.	Thực trạng tội phạm về mại dâm ở Việt Nam và giải pháp phòng ngừa	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật	số 05/2021 tr.60-64	2021	Đặng Thị Phương Linh
143.	Các tội phạm về mại dâm ở Việt Nam- Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn Châu Âu		2021	Đặng Thị Phương Linh
144.	Một số vấn đề phòng ngừa các tội phạm về mại dâm ở Việt Nam từ góc độ Tội phạm học	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn Châu Âu		2021	Đặng Thị Phương Linh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
145.	Nâng cao nhận thức về quyền được bảo đảm an toàn thực phẩm của người tiêu dùng từ thực tiễn tỉnh Nghệ An	Tạp chí Giáo dục và xã hội		2021	Hồ Thị Hải
146.	Mô hình giám sát sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam	Tạp chí Nhà nước và pháp luật		2021	Hồ Thị Hải
147.	Những điểm mới của Bộ luật Lao động năm 2019 về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và những tác động đến quan hệ lao động	Tạp chí Luật sư Việt Nam	số 10/2021	2021	Đinh Ngọc Thắng, Hồ Thị Hải
148.	Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới và những tác động tới pháp luật Việt Nam	Tạp chí nghiên cứu Châu Âu		2021	Nguyễn Thị Hồng Nhật
149.	Nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam	Tạp chí Dân chủ và pháp luật		2021	Nguyễn Thị Hồng Nhật
150.	Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực viễn thông, từ thực tiễn UBND tỉnh Đồng Tháp	Tạp chí Công thương	Số 11, 5/2021	2021	Nguyễn Văn Đại

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
151.	Bảo đảm quyền trẻ em trong điều tra các vụ án xâm hại tình dục, từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa	Tạp chí Pháp luật về quyền con người	Số 1/2021	2021	Nguyễn Văn Đại
152.	Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu	số tháng 4, năm 2021	2021	Hồ Thị Duyên
153.	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên Trường Đại học Vinh trong đào tạo theo tiếp cận CDIO	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh	số 4B/2021	2021	Hồ Thị Duyên
154.	Quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất của UBND tỉnh Kiến Giang	Quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất của UBND tỉnh Kiến Giang	Số 16, 6/2022	2022	Nguyễn Văn Đại
155.	Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục pháp luật về quyền con người ở Việt Nam hiện nay	Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục pháp luật về quyền con người ở Việt Nam hiện nay	Số chuyên đề 2022 (26)	2022	Nguyễn Văn Đại
156.	Bảo vệ người thứ ba ngay tình trong các giao dịch với người	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam	Số 8/2022	2022	Nguyễn Thị Thanh

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
	đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong pháp luật doanh nghiệp Việt Nam				
157.	Bảo đảm quyền được khai sinh của trẻ em thông qua công tác đăng ký hộ tịch	Tạp chí Công thương	Số 25, tháng 11/2022, tr.8-13	2022	Ngô Thị Thu Hoài Ngũ Thị Như Hoa
158.	Hoàn thiện pháp luật về góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu trí tuệ	Tạp chí Công thương	số 21 tháng 9/2022	2022	Nguyễn Thị Phương Thảo
159.	Giáo dục pháp luật thực hành và mô hình phổ biến, giáo dục quyền con người cho cộng đồng yếu thế từ thực tiễn đào tạo cử nhân luật ở Trường Đại học Vinh	Tạp chí Pháp luật về quyền con người	Số chuyên đề 2022 (26)	2022	Đinh Ngọc Thắng
160.	Giáo dục quyền trẻ em trong đào tạo Luật tại Trường Đại học Vinh	Tạp chí Pháp luật về Quyền con người		2022	Hồ Thị Hải
161.	Cơ chế bảo đảm quyền lợi của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động tại doanh nghiệp trong bối cảnh Covid-19 ở Việt Nam	Tạp chí công thương		2022	Hồ Thị Hải

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
162.	Giáo dục pháp luật về quyền con người thông qua thực tiễn giảng dạy học phần Luật Hôn nhân và gia đình tại trường Đại học Vinh	Tạp chí Pháp luật về Quyền con người		2022	Phạm Thị Thuý Liễu
163.	<i>Một số nội dung cải cách tư pháp hướng tới nền tư pháp độc lập</i>	Tạp chí công thương	số 24	2022	Bùi Thị Phương Quỳnh
164.	Mô hình giáo dục quyền con người thông qua hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của Trung tâm Tư vấn pháp luật Đại học Vinh	Tạp chí Pháp luật về Quyền con người,	Số chuyên đề 2022 (26)	2022	Hà Thị Thuý
165.	Nâng cao hiệu quả giảng dạy chuyên đề quyền con người trong đào tạo trình độ thạc sĩ	Tạp chí Pháp luật về Quyền con người	Số chuyên đề 2022 (26)	2022	Nguyễn Văn Dũng
166.	Pháp luật về biện pháp ngăn chặn hành chính	Tạp chí công thương		2022	Nguyễn Thị Thanh Trâm
167.	Bảo đảm quyền được khai sinh của trẻ em thông qua công tác đăng ký hộ tịch	Tạp chí công thương		2022	Ngô Thị Thu Hoài
168.	Bảo đảm nguyên tắc công bằng trong pháp luật tổ tụng hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội		2022	Nguyễn Thị Bích Ngọc

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
169.	Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ	Tạp chí công thương		2022	Nguyễn Thị Phương Thảo
170.	Chuyển đổi số trong giáo dục đại học và những thách thức đặt ra ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Vinh	Số 4B/2022	2022	Hồ Thị Duyên
171.	Cơ chế bảo đảm quyền lợi của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động tại doanh nghiệp trong bối cảnh Covid-19 ở Việt Nam”	Tạp chí Công thương	số 5 năm 2022	2022	Hồ Thị Duyên
172.	Nâng cao nhận thức về quyền được bảo đảm an toàn thực phẩm của người tiêu dùng từ thực tiễn tỉnh Nghệ An	Tạp chí khoa học giáo dục	số 5 năm 2022	2022	Hồ Thị Duyên
173.	Bảo vệ người thứ ba ngay tình trong các giao dịch với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong pháp luật doanh nghiệp Việt Nam	Tạp chí Khoa học xã hội	8/2022	2022	TS. Nguyễn Thị Thanh
174.	Hoàn thiện thể chế chính quyền địa phương từ việc nghiên cứu mô hình tổ chức chính quyền đô thị thuộc tỉnh	Tạp chí Công thương	Số 17, 8/2023	2023	Nguyễn Văn Đại

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
175.	Bàn về các giải pháp nâng cao kỹ năng tự học của sinh viên ngành Luật đáp ứng yêu cầu đào tạo trong bối cảnh hội nhập	Tạp chí công thương		2023	Nguyễn Thị Hà
176.	Bảo đảm nguyên tắc độc lập tư pháp trong xét xử vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay	Tạp chí công thương		2023	Đặng Thị Phương Linh
177.	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	Tạp chí công thương		2023	Hồ Thị Nga
178.	Nhận diện quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử qua một số quy định trong pháp luật phong kiến Việt Nam	Tạp chí Pháp luật về Quyền con người		2023	Ngô Thị Thu Hoài
179.	Bàn về việc xác định "đối tượng tranh chấp là bất động sản" trên thực tế	Tạp chí công thương		2023	Ngô Thị Thu Hoài
180.	Quyền được tiếp cận nước sạch của trẻ em - Một số giải pháp hoàn thiện và bảo đảm thực hiện	Tạp chí Pháp luật về Quyền con người	số 1/2023	2023	Hồ Thị Duyên
181.	Perfecting institutions in state governance to meet sustainable development goals in Vietnam	State Management Review	Vol 30. No. 10	2023	Nguyễn Thị Thủy Dung

STT	Tên bài báo	Cơ quan xuất bản	Số	Năm xuất bản	Tên tác giả
182.	Nhận diện, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch về thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Tạp chí Pháp luật về quyền con người	Số 4 (32)-2023	2023	Nguyễn Văn Đại
183.	Sự cần thiết của nhận diện lao động trẻ em dưới góc độ pháp lý ở Việt Nam	Tạp chí Giáo dục và xã hội		2024	Hồ Thị Hải

Phụ lục 3

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy của Nhà trường

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,2 ha trong tổng thể quy hoạch gần 125 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVN trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Ủy ban tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015). Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa về môi trường học tập và giảng dạy.

Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864m², đạt xấp xỉ 15m²/1 cán bộ, GV, nhân viên; có hệ thống phòng làm việc của các khoa và bộ môn trực thuộc trường, phòng họp cho cán bộ giảng dạy, phòng làm việc cho các phòng ban đoàn thể, phòng làm việc cho GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Trong đó dành riêng cho Trường kinh tế 09 phòng làm việc; 03 phòng làm việc của Ban giám hiệu; 01 Văn phòng sử dụng chung cho toàn trường; 04 phòng họp chuyên môn của cán bộ giảng dạy: văn phòng Khoa Quản trị kinh doanh, văn phòng của Khoa kế toán, văn phòng của Khoa tài chính ngân hàng; văn phòng Khoa Kinh tế với tổng diện tích sử dụng lên đến 490 m², ngoài ra còn có 01 phòng làm việc cho GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư với diện tích 75 m²

Nhà trường có 282 phòng học, trong đó 180 phòng học dùng cho đào tạo chính quy, trong đó 100% số phòng học có đầy đủ trang thiết bị như: Máy chiếu đa năng, hệ thống âm thanh, ánh sáng, điều hòa nhiệt độ, đường truyền internet tốc độ cao, và các trang thiết bị khác... trong đó có 8 giảng đường lớn có sức chứa trên 150 người được trang bị thêm thiết bị trình chiếu. Diện tích phòng học bình quân 5,9m²/người học (115.749m²/19.629 người học); có 84 phòng thực hành thí nghiệm, được chia thành 8 nhóm ngành cụ thể; diện tích bình quân phòng THPTN/người học là 4,48m²/người (34.382m²/7.667 người học) trong đó có 05 phòng thực hành dành riêng cho ngành kế toán với diện tích hơn 650 m² được trang bị máy tính, đường truyền internet tốc độ cao cơ bản đáp ứng được nhu cầu thực hành của ngành.

Trường có cảnh quan và môi trường thông thoáng, xanh - sạch - đẹp, hệ thống điện đường và cây xanh được đầu tư, quy hoạch, khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, chăm sóc thường xuyên, đảm bảo cho người dạy và học cảm thấy an toàn,

thoải mái trong khuôn viên của trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm song hành hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

3.2. Ký túc xá

Nhà trường có ký túc xá sinh viên hiện đại, sạch sẽ và an toàn, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 3981. Hiện tại trường Đại học Vinh đang sử dụng 10 tòa nhà ký túc xá đảm bảo gần 3000 chỗ ở, trong đó: 01 tòa nhà 9 tầng thuộc Khu nhà ở sinh viên tại phường Hưng Bình với 136 phòng ở, diện tích mỗi phòng từ 32m² đến 65m², được trang bị 02 thang máy; 05 tòa nhà ký túc xá 5 tầng tại Cơ sở 1 với 281 phòng ở, diện tích mỗi phòng gần 25m²; 02 tòa nhà ký túc xá 4 tầng tại Trung tâm GDQP&AN, Cơ sở 2 với 84 phòng ở, diện tích mỗi phòng gần 22m²; 02 tòa nhà ký túc xá tại làng sinh viên cơ sở II với hơn 500 phòng ở, diện tích mỗi phòng gần 25m²; ngoài ra còn có các phòng ký túc xá sinh viên Trại Nuôi trồng Hải sản mặn, lợ với 6 phòng ở tại mỗi cơ sở.

Tất cả các tòa nhà ký túc xá được xây dựng vĩnh cửu, đảm bảo an toàn về PCCC, điện, nước sạch, đường internet tốc độ cao được trang bị đầy đủ, ổn định, có công trình vệ sinh khép kín, tất cả các phòng đều được lắp đặt bình nước nóng, hầu hết các phòng ở được lắp đặt điều hòa nhiệt độ, các phòng ở được thiết kế phù hợp để luôn có chế độ chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo tốt, khuôn viên ký túc xá đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo cho sinh viên có nơi vui chơi, rèn luyện sức khỏe. Khu vực trung tâm nội trú có nhà ăn rộng rãi, thoáng mát, được tổ chức tốt, thường xuyên được kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; có căng tin và hệ thống dịch vụ. Các ký túc xá luôn được bảo vệ bởi lực lượng vệ sĩ, có cán bộ trực 24/24, ngoài ra trung tâm nội trú còn tổ chức đội tự quản tham gia bảo vệ an ninh trật tự. Ngoài việc các phòng sinh viên tự chịu trách nhiệm vệ sinh tại phòng ở, Nhà trường còn có lực lượng chuyên nghiệp thường xuyên lau chùi, quét dọn và thu gom rác thải đúng quy định...

3.3. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao - y tế

Tổng toàn Trường hiện có 04 sân bóng rổ, 09 sân bóng chuyền, 06 sân bóng đá mini, 01 sân bóng đá lớn, 01 sân Tennis, đường chạy đạt tiêu chuẩn và nhiều sân chơi, bãi tập khác với tổng diện tích gần 36.000m²; 01 nhà thi đấu đa năng với hơn 1.000 chỗ ngồi... Do có quy hoạch từ trước nên diện tích phục vụ cho hoạt động này đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí, tập luyện và thi đấu của cán bộ viên chức và học sinh, sinh viên, học viên.

Nhà trường có Trạm Y tế (*với đội ngũ 2 bác sĩ, 1 dược sĩ đại học, 2 y sĩ và 4 y tá trung học*) đảm bảo tiêu chuẩn theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Trạm Y tế đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe

ban đầu cho viên chức, người lao động và người học: 100% viên chức, người lao động và người học được Nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế hàng năm. Trạm y tế có 8 phòng bố trí tại cơ sở 1 và cơ sở 2 với diện tích hơn 240 m² trang bị đầy đủ các trang thiết bị, công cụ dụng cụ để đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu, cấp thuốc thông thường; chuyển bệnh nhân lên cơ sở y tế tuyến trên trong những trường hợp cần thiết cho cán bộ, học sinh, sinh viên.

3.4. Thư viện

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào của Trường Đại học Vinh sử dụng một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 9.000m² bao gồm: 06 phòng học, 01 phòng xử án mô phỏng, 03 phòng máy tính, 07 kho sách, 06 phòng đọc với 1500 chỗ ngồi. Đặc biệt toàn bộ tầng 1 của tòa nhà được cải tạo thành không gian học tập, được trang bị đầy đủ các bảng tra cứu, thiết bị máy tính kết nối Internet tốc độ cao giúp học sinh, sinh viên chủ động trong việc tra cứu tài liệu, giáo trình phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học... Thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Hiện nay, Thư viện có khoảng trên 53 ngàn tên tài liệu các loại với trên 300.000 bản trong đó có nhiều sách, tạp chí phục vụ đào tạo Sau đại học ngành Tài chính - Ngân hàng. Ngoài ra, Trường Kinh tế có các tư liệu riêng được bố trí ở phòng tư liệu riêng của trường. Hàng năm Thư viện được bổ sung học liệu theo quy định của Nhà trường. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường. Nguồn tài liệu của Thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện số KIPOS. Hiện nay, nguồn tài liệu số của Thư viện có gần 15.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 12.000 đề tài luận án, luận văn. Ngoài ra, Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin với các trường đại học trên cả nước nhằm nâng cao năng lực phục vụ, như: ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TP Hồ Chí Minh, Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia...

3.5. Danh mục học liệu liên quan đến chuyên ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng (danh mục chung)

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào của Trường Đại học Vinh đang lưu giữ hơn 1 vạn đầu sách, tạp chí; trong đó có nhiều sách, tạp chí phục vụ đào tạo Sau đại học ngành Tài chính - Ngân hàng. Ngoài ra, Trường Kinh tế có Phòng tư liệu riêng. Trong bảng dưới đây, chúng tôi chỉ liệt kê những sách và tạp chí sử dụng trong đào tạo Sau đại học chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng đang được lưu trữ tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào của trường và Phòng tư liệu của Trường.

Cơ vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	282	51.143	Tất cả các học phần/môn học	Tất cả học kỳ, năm học	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	09	2.825	Tất cả các học phần/môn học	Tất cả học kỳ, năm học	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	36	14.026	Tất cả các học phần/môn học	Tất cả học kỳ, năm học	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	85	15.004	Tất cả các học phần/môn học	Tất cả học kỳ, năm học	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	152	17.820	Tất cả các học phần/môn học	Tất cả học kỳ, năm học	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	9	1.115	Tất cả các học phần/môn học	Tất cả học kỳ, năm học	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	6	780			
2	Thư viện, trung tâm học liệu	03	9.952	Tất cả học phần/môn học	Tất cả học kỳ, năm học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	05	650	- Thực tập và đồ án tốt nghiệp	Học kỳ 4 của các năm học	

Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
TT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm bản quyền	2019	312	13	- Thực tập và đồ án tốt nghiệp	Tất cả học kỳ	2600	
2	Máy tính Dell Vostro 3668MT	2018	100	5	- Thực tập và đồ án tốt nghiệp	Tất cả học kỳ	1000	
3	Máy Tính Dell 3020	2014	40	2	- Thực tập và đồ án tốt nghiệp	Tất cả học kỳ	200	
4	Máy tính Dell 390	2014	22	1	- Thực tập và đồ án tốt nghiệp	Tất cả học kỳ	100	
5	Máy tính Dell Vostro 3046MT	2019	50	2	- Thực tập và đồ án tốt nghiệp	Tất cả học kỳ	200	

Phụ lục 4
Mối quan hệ hợp tác của khoa với các đơn vị, cá nhân

4.1. Danh sách các cơ sở đào tạo có mối quan hệ hợp tác với khoa Luật Kinh tế

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Họ và tên, chức vụ của người liên hệ	Ghi chú
1	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	GS.TS. Đỗ Văn Đại, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	
2	Trường Đại học Luật Hà Nội	PGS.TS Nguyễn Quang Tuyền Trưởng Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật Hà Nội	
3	Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội	PGS. TS Vũ Công Giao, Chủ nhiệm Khoa Luật Hiến pháp và luật hành chính, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	
4	Trường Đại Học Kinh tế - Luật TPHCM	ThS Trịnh Thị Hằng, Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Luật TPHCM	
5	Khoa Luật Kinh tế - Học viện ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	TS. Trần Thị Bích Nga, Khoa Luật Kinh tế	
6	Khoa Luật - Đại học Sài Gòn	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình, Phó Trưởng Khoa Luật, Trường Đại học Sài Gòn	
7	Trường Đại học Kiểm sát	TS Hoàng Thị Bích Ngọc, Khoa Pháp luật hình sự, Trường Đại học kiểm sát	
8	Trường Đại học Hoà Bình	PGS. TS. Nguyễn Như Phát, Trưởng Khoa Luật, Trường Đại học Hoà Bình	
9	Học viện khoa học xã hội	TS. Nguyễn Thị Thanh Lý, Khoa Luật, Học viện khoa học xã hội	

4.2. Danh sách các nhà khoa học có mối quan hệ hợp tác với Khoa Luật Kinh tế

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	GS.TS Đỗ Văn Đại	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	
2	PGS.TS Nguyễn Quang Tuyền	Trường Đại học Luật Hà Nội	
3	PGS. TS Vũ Công Giao	Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội	
4	TS Dương Thị Hải Yến	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	
5	TS. Trần Thị Bích Nga	Khoa Luật Kinh tế - Học viện ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	
6	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Khoa Luật - Đại học Sài Gòn	
7	TS. Nguyễn Thị Thanh Lý	Học viện khoa học xã hội	
8	TS Nguyễn Văn Cương	Viện Khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp	
9	PGS. TS Nguyễn Như Phát	Trường Đại học Hoà Bình	
10	TS. Lê Văn Đức	Trường Đại học Luật Hà Nội	
11	TS. Hồ Thị Duyên	Trường Đại học Luật Hà Nội	
12	TS. Lưu Hoài Bảo	Trường Đại học Luật Hà Nội	

4.3. Danh sách các đơn vị có mối quan hệ hợp tác với Khoa Luật Kinh tế

TT	Tên đơn vị	Họ và tên, chức vụ của người liên hệ	Ghi chú
1	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An	TS. Tôn Thiện Phương, Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An	
2	Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An	Thẩm phán Trần Ngọc Sơn, Chánh án Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An	
3	Toà án nhân dân thành phố Vinh	Thẩm phán Trần Anh Sáng, Phó chánh án Toà án nhân dân thành phố Vinh	
4	Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An	Ông Nguyễn Anh Tú, Chánh văn phòng, Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An	
5	Văn phòng Luật sư Trọng Hải và Cộng sự	TS. Nguyễn Trọng Hải, Trưởng văn phòng Luật sư Trọng Hải và Cộng sự	
6	Văn phòng Luật sư Vinh Diện và Cộng sự	TS. Nguyễn Vinh Diện, Trưởng văn phòng Luật sư Vinh Diện và Cộng sự	
7	Văn phòng Luật sư Trọng Điệp và Cộng sự	TS. Nguyễn Trọng Điệp, Trưởng văn phòng Luật sư Trọng Điệp và Cộng sự	
8	Bảo Hiểm tiền gửi Chi nhánh Bắc Miền trung	TS. Ngô Quang Huy, Phó giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Bắc miền trung	
9	Công ty TNHH Hoà Hiệp	Ông Trần Văn Nhật, Công ty TNHH Hoà Hiệp	
10	Ngân hàng Công thương Việt Nam - chi nhánh Hà Tĩnh	Ông Trần Xuân Giáp Cường, Giám đốc Ngân hàng Công thương Việt Nam - chi nhánh Hà Tĩnh	

Phụ lục 5

Báo cáo khảo sát nhu cầu xã hội về đào tạo trình độ đại học Ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

Thực hiện theo quy định của Trường Đại học Vinh về việc quy trình xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học, Khoa Luật Kinh tế đã tiến hành khảo sát nhu cầu xã hội, dự báo nhu cầu nhân lực đối với ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự như sau:

- Nghiên cứu khảo sát nhu cầu xã hội, dự báo nhu cầu nhân lực tại các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, cơ quan tư pháp, cơ quan công an, văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng công chứng, ngân hàng, bảo hiểm, doanh nghiệp, giảng viên, cơ sở đào tạo, phụ huynh, học sinh... nhằm đưa ra những luận cứ thực tiễn để làm căn cứ đề xuất mở mã ngành đào tạo Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

- Nội dung nghiên cứu chính bao gồm:

Đánh giá thực trạng nhân lực trong lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự và dự báo nguồn nhân lực cần trong thời gian tới.

Khảo sát nhu cầu của xã hội với việc đào tạo nhân lực trong lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự trong thời gian tới.

1. Mục đích khảo sát

Khảo sát ý kiến của các cá nhân đang làm việc liên quan đến lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự ở cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, cơ quan tư pháp, cơ quan công an, văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng công chứng, ngân hàng, bảo hiểm, doanh nghiệp, giảng viên, phụ huynh, học sinh về các nội dung:

- *Ý kiến về thực trạng nguồn nhân lực trong lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự hiện nay và dự báo trong thời gian tới.*

- *Ý kiến về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự trong thời gian sắp tới.*

2. Đối tượng và số lượng khảo sát

- Đối tượng khảo sát

Để đảm bảo sự đa dạng và đại diện cho các công việc, vùng miền chúng tôi đã thực hiện khảo sát online các nhóm đối tượng có công việc liên quan trong lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự và các chủ thể quan tâm đến hoạt động đào tạo; bao gồm: các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, cơ quan tư pháp, cơ quan công an, văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng công chứng, ngân hàng, bảo hiểm, doanh nghiệp, giảng viên, cơ sở đào tạo, phụ huynh, học sinh...

- Tổ chức nhân lực tham gia khảo sát

Nhóm thực hiện nhiệm vụ khảo sát chủ yếu là cán bộ giảng viên của Khoa Luật Kinh tế - Trường KHXH&NV đã kết hợp chặt chẽ với các cộng tác viên đang công tác tại các điểm, đơn vị được nghiên cứu để tiến hành khảo sát.

- Số lượng khảo sát:

Nhóm phụ huynh, học sinh và người quan tâm: 310 phiếu

Nhóm cơ quan, người sử dụng lao động, người lao động: 232 phiếu

3. Phương pháp khảo sát

Sử dụng phương pháp định lượng bằng phiếu hỏi online qua hệ thống Google form. Kết quả xử lý bằng phần mềm thống kê để đảm bảo độ tin cậy và chính xác.

- Công tác khảo sát được thực hiện thông qua phương pháp điều tra xã hội học bằng Phiếu hỏi online. Nội dung các mẫu phiếu hỏi liên quan khảo sát ý kiến đối với cán bộ quản lý của các đơn vị liên quan, ý kiến đối với người lao động liên quan; ý kiến đối với phụ huynh, học sinh quan tâm.

4. Thời gian khảo sát

Từ 22/10/2021 đến 28/10/2021: đường link khảo sát

<https://forms.gle/xP3YKWLZkPWQ6pJC6>

<https://forms.gle/Kc3iQqtKDgQhEoaX7>

5. Kết quả tổ chức khảo sát, tổng hợp dữ liệu

- Đã tổ chức triển khai cuộc khảo sát và gửi mẫu phiếu đến cán bộ phụ trách các cơ quan, đơn vị;

- Đã thực hiện thuê khoán chuyên môn cho cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn triển khai cuộc khảo sát;

- Đã tổng hợp phiếu và hoàn thành nhập dữ liệu phiếu khảo sát (đạt tỉ lệ 100%).

Chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến của 232 cán bộ quản lý, người lao động, cán bộ giảng viên liên quan; 310 phụ huynh, học sinh, sinh viên, quan tâm lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự ở các nội dung sau:

a) Kết quả định tính

Phân tích định tính sơ bộ kết quả khảo sát chúng tôi nhận thấy, có sự lựa chọn tương đồng về mức độ

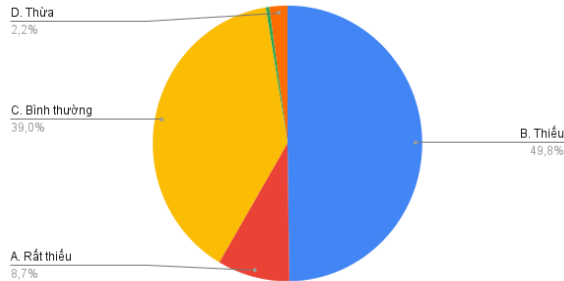
b) Kết quả định lượng

Qua thực hiện khảo sát đối với 531 đối tượng tham gia khảo sát, có khoảng 95% người được hỏi lựa chọn cần phải tăng cường đào tạo và bồi dưỡng nhân lực hoạt động trong lĩnh vực Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự.

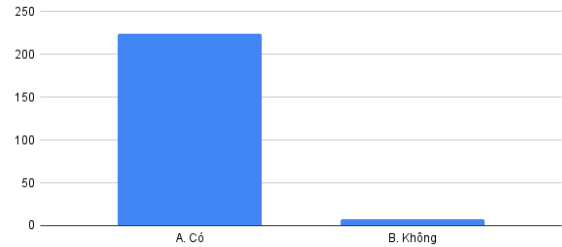
Cụ thể chi tiết về kết quả khảo sát thể hiện ở các biểu đồ sau đây

1. Nhóm đối tượng là cơ quan, người sử dụng lao động, người lao động:

Tổng số của Câu 1: Theo Anh/Chị, thực trạng về nhân lực làm việc liên quan đến lĩnh vực Luật dân sự và Tổ tụng dân sự hiện

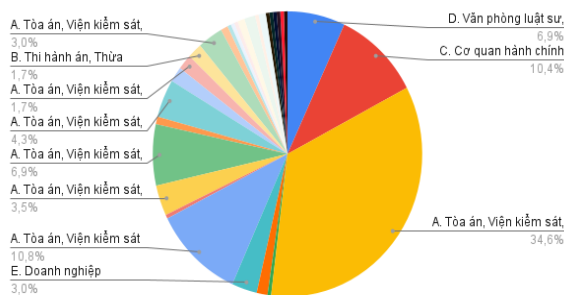


Tổng số của Câu 2: Theo Anh/Chị, có cần phải mở chương trình đào tạo chuyên ngành Luật dân sự và Tổ tụng dân sự hay

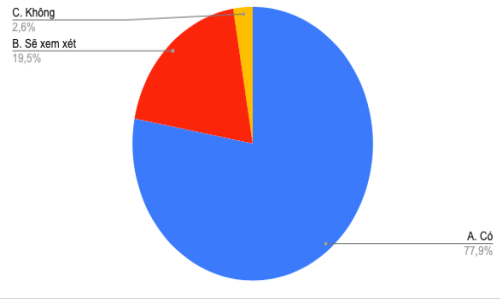


Tổng số của Câu 2: Theo Anh/Chị, có cần phải mở chương trình đào tạo chuyên ngành Luật dân

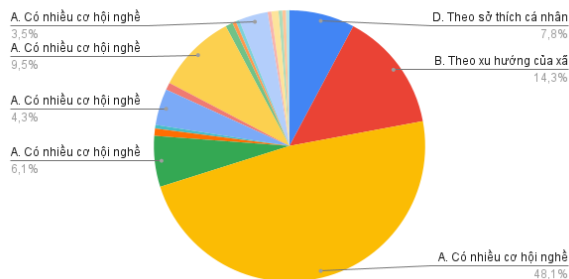
Tổng số của Câu 3: Theo Anh/Chị, những vị trí công việc nào cần nhân lực trong lĩnh vực Luật dân sự và Tổ tụng dân sự?



Tổng số của Câu 4: Anh/Chị có tuyển dụng người học tốt nghiệp ngành Luật dân sự và Tổ tụng dân sự của Trường Đạ...

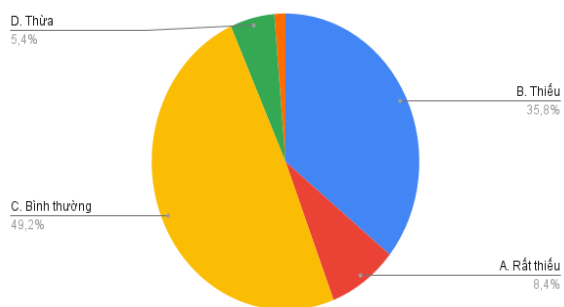


Tổng số của Câu 5: Theo Anh/Chị, lý do người học lựa chọn ngành Luật dân sự và Tổ tụng dân sự là gì?

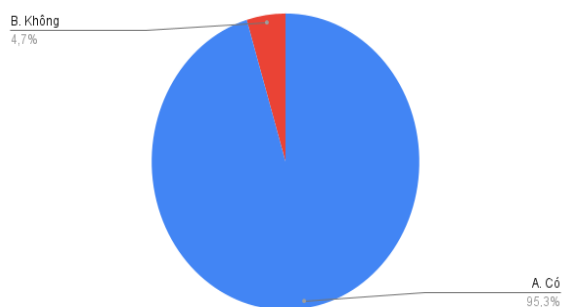


2. Nhóm phụ huynh, học sinh, người quan tâm:

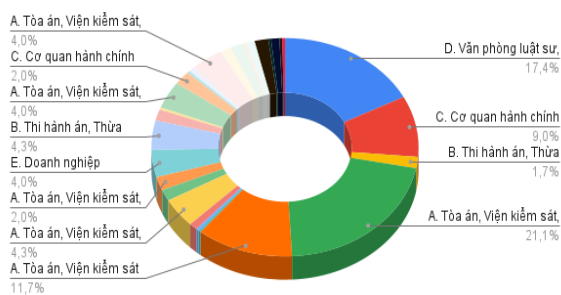
Tổng số của Câu 1: Theo Anh/Chị, thực trạng về nhân lực làm việc liên quan đến lĩnh vực Luật dân sự và Tổ tụng dân sự hiện



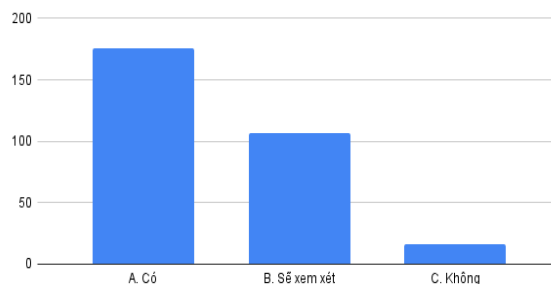
Tổng số của Câu 2: Theo Anh/Chị, có cần phải mở chương trình đào tạo chuyên ngành Luật dân sự và Tổ tụng dân sự hay



Tổng số của Câu 3: Theo Anh/Chị, những vị trí công việc nào cần nhân lực trong lĩnh vực Luật dân sự và Tố tụng dân sự?

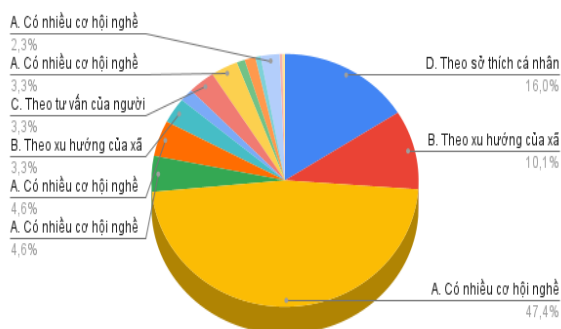


Tổng số của Câu 4. Anh/Chị có lựa chọn ngành Luật dân sự và Tố tụng dân sự tại Trường Đại học Vinh để học hoặc cho



Tổng số của Câu 4. Anh/Chị có lựa chọn ngành Luật dân sự và Tố tụng dân sự tại Trường Đại học

Tổng số của Câu 5: Theo Anh/Chị, lý do người học lựa chọn ngành Luật dân sự và Tố tụng dân sự là gì?



6. Kết luận

Theo kết quả khảo sát và các thống kê, xử lý số liệu tổng thể các ý kiến khảo sát, có thể cho thấy sự mong đợi của các đối tượng được hỏi về việc xây dựng CTĐT và tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nhân lực trong lĩnh vực Luật Dân sự và Tố tụng dân sự trong thời gian tới là rất cần thiết.